

Vi Tiểu

Tác giả: Viên Minh

Phân Trần

Trong Thiền viện, thỉnh thoảng chúng tôi được nghe Thầy kể những chuyện vi tiểu. Có những chuyện chúng tôi hiểu lơ mờ, có những chuyện mãi lâu sau mới chợt thấy, lúc đó chúng tôi mới cảm nhận được một nụ cười bao dung tế nhị. Vì thế mà chúng tôi sinh lòng tham hiểu, hễ cứ gặp Thầy là gạn hỏi. Thầy bảo: “Chuyện vi tiểu nếu nghe mà không thấy thì cứ để vậy rồi một ngày kia sẽ thấy, tự khám phá mới hay chứ giải thích thì còn hững hờ gì. Hơn nữa, chuyện vi tiểu là chuyện bình thường giản dị xảy ra trong đời sống hàng ngày của các con chứ có gì là bí ẩn.”

Nhưng thấy Thầy thường cười mở dung dị, chúng tôi cứ theo gạn hỏi hoài. Cuối cùng Thầy cũng gọi cho vài ý. Sau đây là những lời khai mở của Thầy mà chúng tôi ghi chép được. Thầy có đọc lại và nói:

- “Ngôn bất tận ý”, dấu sao các con cũng phải tự mình thấy lấy, chứ đừng dính ninh vào Lời góp ý của Thầy mà không tự mình chiêm nghiệm.

Mong rằng chúng tôi không làm mất đi tính chất giản dị, trong sáng và uyên thâm của những “nụ cười tế nhị”.

Thiền Sinh Thiền Viện Bửu Long
Mùa an cư 2537

Mục lục

- 01 - 12
 - Trả đũa
 - Buôn bán
 - Một sách
 - Nói được một lời
 - Thể nhập Pháp giới
 - Học Đạo
 - Diệu giác
 - Loạn thị
 - Sửa đổi thiên nhiên
 - Tinh tấn hay làm biếng
 - Ngoài da
 - Quả ngã mạn

- 13 - 24
 - Đấng Phạm Thiên bất động
 - Tuệ quán
 - Nghe Pháp thuyết
 - Mất 32 thân
 - Tứ niệm xứ
 - Tu sửa
 - Kinh Pháp Hoa
 - Mục đích
 - Du hí thần thông
 - Trà Đạo
 - Phật ở đâu
 - Nam mô thường bất khinh
- 25 - 36
 - Bị tự do ngăn ngại
 - Quả trách thiên định
 - Cửa Trời rộng mở
 - Nặng ký
 - Con người thật
 - Vô thường
 - Phân tâm nhị dụng
 - Ba vị thần
 - Bảo vệ Đạo pháp
 - Triết học là gì
 - Nghiệp còn nặng
 - Hãy để yên
- 37 - 48
 - Sinh lão bệnh tử
 - Sắc không
 - Không có ai cả
 - Xin hoãn lại
 - Vĩnh cửu
 - Xuất môn
 - Thánh không biết đau
 - Làm chủ
 - Sao lại hỏi tôi
 - Thập nhị nhân duyên
 - Phẩm phổ môn thật
 - Không mất mát gì

- 49 - 60

- Trà tỳ
- Thiền định lâu nhất
- Vãng sinh
- Thực sự hành
- Niết bàn
- Thiên thủ thiên nhãn
- Bất chước thiền sư
- Chuyện bực mình
- Không có đường đến Niết bàn
- Đại bệnh
- Tình nguyện đi theo
- Cảnh giới lý tưởng của Thiền

- 61 - 72

- Chẳng có ai tin
- Khán thoại đầu
- Đồng hay bất đồng
- Mục đích phạm hạnh
- Phân biệt minh bạch
- Vô phân biệt
- Tánh không
- Tánh hữu
- Lặng lẽ hồn nhiên
- Vô ngã
- Thực và mộng
- Ngã pháp

01 - 12

Trả đũa

1. TRẢ ĐŨA

Lão hành khất vào ngôi trong hiên chùa, bắt đầu bữa ăn xin được trong ngày: ít vắt com, muối và... một con cá rô cây.

Người gác chùa quan sát bữa ăn, thấy con cá rô cây được đẽ gọt khá cẩn thận, dọn ra giống y con cá thật đã được nấu nướng đàng hoàng. Ông hỏi người hành khất với giọng châm biếm:

- Này ông lão, ông làm gì với con cá gỗ ấy hay cuối cùng cũng chỉ com với muối?

Lão hành khất bình tĩnh đưa tay chỉ tượng Phật bằng đá trên tòa sen giữa chánh điện trả đũa:

- Này ông bạn, còn ông làm gì với tượng Phật đá kia hay cuối cùng cũng chỉ vô minh với ái dục?



Lời góp ý:

*Thờ cúng chỉ mang tính cách tượng trưng, thế rồi những tôn giáo cổ xưa đã biến thành những nghi lễ huyền bí và những buổi hiến tế phức tạp..., tương qua đó họ có thể được cứu rỗi. Nhưng Đức Phật xem đó chỉ là **giới cấm thủ** (mê tín, dị đoan, hình thức ràng buộc), và Ngài dạy rằng chỉ có sống đúng pháp (Dhammānudhammā patipanno viharati) mới là tôn kính, cúng dường, lễ bái Như Lai một cách cao thượng.*

Xưa có một người xuất gia theo Phật chỉ mong hàng ngày được lễ bái và chiêm ngưỡng 32 tướng tốt của Ngài. Đức Phật trách: “Dẫu cho hàng ngày con có nắm chéo y Như Lai và bước theo từng dấu chân của Như Lai thì cũng vẫn xa Như Lai vời vợi. Người nào sống đúng Pháp mới gọi là gần gũi, cung kính, lễ bái, chiêm ngưỡng Như Lai một cách chân chính”.

Hàng ngày sống bên Đức Phật, lễ bái, chiêm ngưỡng và đặt trọn niềm tin ở Ngài vẫn còn bị Ngài khiển trách, huống nữa chỉ biết lễ lạy, tụng đọc trước tượng Phật bằng đá để cầu xin cứu độ thì muôn đời cũng không bao giờ nếm được chút hương vị giác ngộ giải thoát.

Tin tưởng, lễ bái, cung kính, chân thành, tri ân, tinh khiết,... là những nhân tố của phương tiện thờ cúng, nhờ đó đem lại hạnh phúc, hân hoan, thái hòa, an lạc,... cho những kẻ sơ cơ. Nhưng cho đến một lúc nào đó phải biết thoát ra khỏi phương tiện, vì dù tin Phật dưới bất cứ hình thức nào cũng đều phải tự mình sống đúng chân lý, nếu không thì muôn đời vẫn như lão ăn xin với con cá rô cây vô vị.

Buôn bán

2. BUÔN BÁN

Mỗi ngày hai thời kinh, không lần nào Sư vắng mặt, dù khi mưa gió, nóng bức, khi tụng cùng chúng hay lễ một mình.

Trong Thiền viện có vị Tăng ưa thích phóng khoáng, bất chấp nghi lễ, rất ít tụng kinh niệm Phật. Một hôm gặp Sư, vị Tăng nói:

- Được lợi ích gì mà Thầy tụng kinh hoài vậy?

Sư đáp:

- Lại thêm một gã Thầy chùa buôn bán!



Lời góp ý:

Con người thật khó thoát được vòng luẩn quẩn của nhân quả nghiệp báo. Trong mỗi hành vi của họ đều phải hàm chứa nhân và quả, nghĩa là hàm chứa bản ngã, thời gian, luân hồi, sinh tử. Vị Tăng kia phải tính toán cái gì có lợi mới làm, thế là rơi vào sinh tử, không biết rằng đó chỉ là cái lợi nhỏ nhen của tính toán tư kiến tư dục, chút bọt bèo trong trùng trùng đợt sống sinh diệt cuốn phăng! Chỉ vì vị Tăng ấy còn mê, không thấy được Pháp thực tại hiện tiền, vượt khỏi thời gian. Nếu thấy được thì người sống Đạo chẳng cần tính toán chút ít lợi riêng, vì mỗi Pháp tự nó đã là cái dụng vô cùng. Thể - Tướng --Dụng của đạo vốn viên mãn, sao lại còn tính toán thiệt hơn? Người tránh cái hại đi tìm cái lợi nhỏ nhen sao bằng tâm địa viên dung vô ngại bất khả tư nghị, dù lợi hay hại vẫn tự tại an nhiên?

Người như thế Lão Tử khen là “vô vi nhi vô bất vi”. Đã vô vi thì làm gì mà không lợi (vô vi nhi vô bất trị). Thế mới biết tâm địa các bậc A - La - Hán đã vô vi (asankhàra) nên nhất động nhất tịnh đều đã trọn vẹn nơi chỗ Đại Dụng của Đạo (mà Lão Tử gọi là Đức), đâu còn cần cái vị tha hữu hạn của bản ngã. Chỗ Đại Lợi của các Ngài là chúng sanh đều được hưởng mà không hề hay biết. Như mặt trời chiếu soi, không vị kỷ, không vị tha, không vị lợi mà muôn loài được lợi.

Vị Thiền Sư mỗi ngày tụng kinh, lễ Phật, bỏ ra ngoài lợi hại thế gian, đối với chúng sanh dường như là ích kỷ, nên lý trí của vị phàm tăng làm sao luận tới! ông ta chỉ lảng xảng trong cái gọi là lợi kỷ - lợi tha, đúng như là... “gã Thầy chùa buôn bán”.

Một sách

3. MỘT SÁCH

Sư đang giảng trước thính chúng. Có gã thanh niên đứng dậy hét:

- Xưa Lâm Tế chỉ với một tiếng hét đủ khai được Đạo lớn, đâu cần lắm lời như vậy?

Sư hét. Gã thanh niên chịu không nổi tiếng hét quá lớn giật mình thối lui.

Sư nói:

- Trường đâu con cháu Lâm Tế, té ra chỉ là loài một sách!



Lời góp ý:

Hét, đánh hay dụng ngữ đều chỉ là phương tiện, vấn đề là ở chỗ phương tiện đó có như ngón tay chỉ được mặt trăng hay không mà thôi. Còn đã là phương tiện thì cứ tùy nghi mà sử dụng. Người dùng biết tùy cơ mà khai thị được chân lý mới là phương tiện thiện xảo. Bằng không lấy phương tiện này bỏ phương tiện kia chỉ là trò chấp trước.

Gã thanh niên cho rằng thiền thì phải “bất lập văn tự” nên phải hét chứ không được nói, không biết rằng hét cũng chỉ là một loại ngôn ngữ, hơn nữa, anh chỉ biết tiếng hét qua sách vở văn tự mà thôi, chứ anh có bao giờ được chính tai nghe tiếng hét của Thiền Sư Lâm Tế ra làm sao đâu? Và anh có bao giờ biết rằng Lâm Tế hét mà trong tiếng hét hoàn toàn im lặng không?

Trong “bất lập văn tự” thì văn tự không sai mà “lập” mới sai, cũng như trong “tri kiến lập tri” thì tri kiến có thể là Phật tri kiến, Thánh tri kiến, Chánh tri kiến v.v... chỉ có “lập tri” mới đích thực là “vô minh bôn”.

Đúng là đối với người giác ngộ thì vạn pháp đều chân, đối với người mê thì muôn sai đều vọng, có chấp cái này bỏ cái kia thì mê vẫn hoàn mê, vọng còn nguyên vọng.

Nói được một lời

4. NÓI ĐƯỢC MỘT LỜI

Một thiền khách đến viếng Sư, cứ nằng nặc đòi Sư giải thích yếu nghĩa Nam Tuyền Trảm Miêu.

Sư im lặng rót trà mời khách, nhưng khách dường như không để ý đến trà, lại hỏi:

- Nam Tuyền trảm miêu sao không ai nói được lời gì?

Sư toan bưng chén trà đổ đi. Khách nói:

- Xin Thầy để tôi uống.

Sư cười nói:

- Cuối cùng ông cũng nói được một lời. Nếu hỏi đó có người nói được như ông thì Nam Tuyền đã khỏi mắc sát giới.



Lời góp ý:

Đông đường, Tây đường tranh nhau con mèo, Thiền Sư Nam Tuyền thấy thế bắt mèo đưa lên nói:

- Nói được là cứu con mèo, nói không được thì chém nó.

Thiền chúng không ai nói được, Sư liền chém con mèo.

Tùng Thảm về. Sư đem câu nói đó hỏi. Tùng Thảm cười giày để lên đầu đi ra. Sư nói:

- Nếu hỏi này có người thì con mèo đã được cứu rồi.

Câu chuyện đó vẫn còn là một nghi vấn đời này sang đời khác trong nhà thiền. Ai cũng muốn tìm ra yếu nghĩa vì sao Nam Tuyền lại giết mèo.

*Nhưng Đạo đâu thể dùng lý trí mà nghi vấn nên càng nghi vấn càng xa. Vấn đáp cơ phong chỉ để trải nghiệm xem người thiền có đang “**cước căn điểm địa**” không mà thôi. Nếu đã “**điểm địa**” thì không đâu không phải là Đạo, bằng không thì lý trí đành hoang mang ngơ ngác chẳng thể nào nói được một lời khế hợp. Còn một khi đã khế hợp thì im lặng hay nói bất cứ điều gì cũng đều khế hợp.*

Thế còn Tùng Thảm đội giày lên đầu thì sao, nói đi?

Thế nhập Pháp giới

5. THẾ NHẬP PHÁP GIỚI

Một vị Tăng yết kiến Sư, Tăng hỏi:

-Thế nhập cùng pháp giới làm một có được chăng?

Sư nói:

- Chứ ông tưởng pháp giới với ông là hai được sao?



Lời góp ý:

*Pháp giới tánh chưa một lần loại trừ ai, chưa bao giờ tự phân hóa, chỉ có bản ngã tự tách rời pháp giới như chân, tự cô lập, tự khép kín, tự cách ngăn, tự buộc ràng, tự giới hạn,... Nhưng có tách rời được không? Không, vì bản ngã chỉ là ảo tưởng, chỉ là huyễn mộng. Thế thì có thể nhập được không? Cũng không, vì **ý niệm thế nhập** cũng là ảo tưởng của vọng ngã. Pháp giới tánh đâu phải là cái ngã được phóng đại (đại ngã) như người nằm mộng lại còn thêm mộng (mộng trung chi mộng)!*

Người nằm mộng thấy mình đi chơi, suốt cơn mộng khổ khổ, vui vui, thương thương, ghét ghét, sợ sợ, lo lo, khi nơi này, lúc chỗ nọ,... nhưng khi tỉnh dậy thấy mình vẫn ở trên giường chẳng hề sai khác.

Đối với bản ngã mê vọng thì pháp giới tánh mà hấn muốn thế nhập cũng là mê vọng. Còn pháp giới chân thật thì chỉ khi nào hết mê mới thấy được chẳng hai.

Khi mê nói một nói hai

Chừng khi tỉnh mộng cười dài một phen.

Học Đạo

6. HỌC ĐẠO

Một thiền sinh đến xin học đạo. Sư hỏi:

- Người định học đạo bằng tâm hay bằng trí?

Thường nghe kinh điển nói rằng đừng đem trí phân biệt mà học đạo nên thiền sinh thưa:

- Dạ bằng tâm.

Sư nói:

- Không được.

Hôm sau thiền sinh lại đến, hỏi Sư:

- Vậy Thầy học đạo bằng tâm hay bằng trí?

Lúc đó Sư đang ăn táo, gọi:

- Này!

Thiền sinh nhìn lên. Sư đưa trái táo.

Thiền sinh vừa đón lấy, Sư hỏi:

- Bằng tâm hay bằng trí?



Lời góp ý:

Đạo chẳng thể học bằng thân, bằng tâm hay bằng trí. Chiếc xe chạy không thể chạy bằng tay lái, bằng bánh, bằng khung,... hay bằng người lái. Không thể tách riêng cái toàn thể rồi chỉ ngộ một phần là đủ, vì chỉ có giác ngộ trong sự tương giao (tâm lý, sinh lý, vật lý, nội và ngoại) chứ không thể giác ngộ cá biệt, đơn phương hay phiến diện.

Ngộ tánh ngộ tâm ư? Sao lại tách rời thân với tâm, tánh với tướng, thể với dụng? Không có ngộ chung cũng chẳng có ngộ riêng, nên Đức Phật đã dạy “không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng”. Và Ngài dạy tiếp: “Kẻ nào không còn thấy có bên này, bên kia và cả hai, người ấy thoát ly phiền não, Như Lai gọi đó là Phạm Chí” (Dh. 385).

Vậy ngộ thì phải “ngộ nguyên con”, hộc là “không chấp thủ bất cứ điều gì ở đời” (Sabbe dhammā nālam abhinivasaya).

Lấy trái táo còn phải lấy “nguyên con” hướng chi là học đạo .

Diệu giác

7. DIỆU GIÁC

Một vị Tăng đến tham vấn, thấy Sư đang làm vườn, hỏi:

- Nghĩ thì gặp sở tri chướng, làm thì gặp phiền não chướng, vậy như thế nào mới đạt được an lạc của Diệu Giác?

Sư chống cuốc ngâm bài kệ:

- Ta không biết đâu suối nguồn An Lạc
Sáng sớm ra vườn bón đậu trồng dưa.
Ta không biết đâu bến bờ Diệu Giác
Đúng ngộ về chùa cắt cuốc ăn trưa.



Lời góp ý:

Diệu Giác không phải là lý tưởng để “nghĩ về”. Nghĩ về là sở tri, nên dù nghĩ về Diệu Giác cũng là sở tri chướng.

An Lạc không phải là mục đích để “nắm bắt”. Nắm bắt là sở đắc, nên dù nắm bắt an lạc cũng là phiền não chướng.

Tìm An Lạc và Diệu Giác ở đâu đó trong hay ngoài thế gian cũng đều là tìm lông rùa sừng thỏ.

Nghe nói Đạo là Xuất Thế thì người ta cứ lảng xảng hướng ra ngoài thế gian mà tìm kiếm.

Nghe nói Đạo là Nhập Thế thì người ta lại lặn lội hướng vào trong thế gian mà tầm cầu.

Đạo không trong không ngoài, chẳng có chẳng không, nhưng:

Lặng lặng không đâu mà chẳng có

Loay hoay chẳng có ở nơi đâu!

Thôi thì cứ theo Thiền Sư sáng sớm ra vườn bón đậu trồng dưa, chừng nào nghe tiếng chuông về chùa mà độ ngộ, chớ có mất công lý giải An Lạc với Diệu Giác làm gì cho phí một đời com áo.

Loạn thị

8. LOẠN THỊ

Nhiều người than phiền Đạo Phật có quá nhiều tông phái, mà tông phái nào cũng cho mình là đệ nhất. Chân lý chỉ có một, vậy ai đúng ai sai?

Được hỏi vấn đề này, Sư nói:

- Tùy độ loạn thị mà đeo kính. Kính nào cũng đệ nhất khi hợp với độ loạn thị chứ sao!



Lời góp ý:

Chúng sanh có “nhiều bụi trong mắt” nên nhìn cái gì cũng thành méo mó. Nói “tướng” thì thành “tướng vọng”, nói “tánh” thì thành “tánh huyền”, nói “ta” thì thành “ngã thủ”, nói “pháp” thì thành “pháp chấp”. Thế rồi luận tánh, luận tướng, nói ngã, nói pháp mà trở thành... loạn thị.

Mắt đã loạn thị thì cần phải đeo kính Chánh Kiến mới thấy được thực tướng. Thế là các tông phái khéo “tiếp thị” đã cho tung ra kính loạn thị đủ kích cỡ, đủ loại model. Thiên hạ đua nhau sắm kính, các “tiệm kính” bán đắt như tôm tươi.

Ai mua được kính “hợp mắt” thì đều cho là đệ nhất. Thậm chí có người đeo phải kính giả thấy trời đất muôn màu muôn sắc rất ư là huyền bí, liền cho là kính tối thượng. Mà kính “của ta” bao giờ lại chẳng hơn thiên hạ!

Nhưng coi chừng, dù kính giả kính thật, thì cũng phải lo lấy bụi trong mắt, phải chữa tận gốc loạn thị, hãy tin vào mắt thật của mình đừng nghe các “chủ tiệm” quảng cáo. Nếu không, kính có ngày cũng hết “đắt” hoặc rủi ro mắt mất hư hao thì rồi loạn thị vẫn hoàn loạn thị!

Sửa đổi thiên nhiên

9. SỬA ĐỔI THIÊN NHIÊN

Ngồi dưới cây bồ đề, một chú tiểu nhận xét:

- Thiên nhiên có những điều bất cân xứng cần phải sửa chữa lại.

Chú tiểu khác hỏi:

- Thí dụ cái gì bất cân xứng?
- Thì chú thấy đó, bên kia cây dừa hầu nhỏ như vậy mà trái thật to, còn cây bồ đề to tướng thế này mà trái nhỏ xíu!

Ngay khi đó gió thổi rụng những trái bồ đề trên đầu họ. Chú tiểu kia nói:

- May mà chú chưa kịp sửa thiên nhiên, chứ không thì bể đầu cả đám!



Lời góp ý:

Người mê tự sinh ra cho mình cái bản ngã, thế rồi từ khi lên ngôi, bản ngã bắt đầu ra tay. Trước hết bắt những người xung quanh phải tuân theo “mệnh lệnh của tôi”, sau được đà, bắt luôn mọi sự mọi vật phải thay đổi cho đúng với “ý muốn của tôi”. Thế là một cuộc đảo chính quy luật tự nhiên cứ thế mà tiến hành!

Chân con vọt ngắn hãy mau dài ra! Cổ con cò cao hãy mau ngắn lại! Phải khổ luyện sao để bay được như chim! Phải tu trí sao cho lặn được như cá!...

Con người cảm thấy mình đã tiến bộ rất xa: bản ngã bành trướng, quốc gia bành trướng, chinh phục hành tinh, điều hành vũ trụ,... Hoặc là khí công thượng thừa, yoga tuyệt đỉnh, định lực phi phàm v.v...

Vâng, cứ sửa đổi nữa đi cho ra muôn hình vạn trạng, thỏa chí bình sinh. Nhưng bản ngã ơi, người có khi nào thấy rằng cái gốc của người thì vẫn chưa thay đổi được chút nào hay không?

Tinh tấn hay làm biếng

10. TINH TẤN HAY LÀM BIẾNG

Một vị Tăng luyện được phép thần thông có thể ngồi trên mây đi đây đi đó tùy ý. Ông cố gắng thuyết phục người bạn:

- Hãy luyện pháp môn này, thành công rồi thì thật là diệu dụng.

Người bạn hỏi:

- Diệu dụng gì?

- Ấy, lúc đó bạn có thể bay đi đây đó dễ dàng mà không một chút mệt nhọc.

- Ủa, vậy ra tinh tấn chỉ để được làm biếng hay sao?



Lời góp ý:

Người ta không biết rằng ai cũng có sẵn thần thông diệu dụng, nên cứ mãi lo đi tìm diệu dụng thần thông, không hề quan tâm sử dụng kho tàng khả năng quý báu của mình.

Khi bại liệt mới biết chân đi là thần thông, khi nhắm mắt mới hay cái nhìn là diệu dụng. Chỉ riêng bàn tay của con người đã đa năng đến nỗi chưa robot điện tử nào thực hiện được khả năng tương tự. Người ta chưa khám phá hết tiềm năng của con người đã vội muốn thành tiên, cũng như chưa hiểu hết trái đất đã mong chinh phục các vì sao. Đó là bệnh “đừng núi này trông sang núi nọ”.

Quyền năng đó là một trong những khuynh hướng tính dục của bản ngã. Những người cố gắng tạo luyện thần thông, nói là để có phương tiện độ đời, trên thực tế chỉ là vị ngã. Nếu đã giác ngộ thì mọi phương tiện sẵn có đều là thần thông diệu dụng, chẳng cần thêm bớt, chẳng cần lấy bỏ. Hết, đánh, bừa cùi, gánh nước, đi đứng, nằm ngồi,... há chẳng phải là phương tiện độ đời thiện xảo của các vị Thiền Sư đó sao?

Ngoài da

11. NGOÀI DA

Gặp một vị Tăng nổi tiếng về thiền định, Sư hỏi:

- Tu như vậy ông được gì?

Vị Tăng thưa:

- Tâm tôi đã lặng lẽ.

- Thế thì ông chỉ được ngoài da!

- Vậy phải làm sao để được thành chánh quả?

- Ấy, ông lại tính chuyện ngoài da nữa!



Lời góp ý:

Người tu hành cứ loay hoay đi tìm một cái gì đó để đạt đến, vì chưa thấy ra “xương tủy” của mình. Pháp vốn biến hóa vô cùng, tâm giác ngộ cũng phải vô cùng biến hóa mới có thể hài hòa với nhịp sống linh động hồn nhiên.

Tịnh hay động cũng là phiên diện. Không ai có thể động không mà chẳng tịnh, cũng không ai có thể tịnh không mà chẳng động. Nắm cái này bỏ cái kia, suốt đời lằng xằng qua lại nên chẳng có lấy một phút giây an ổn trong sáng thì làm sao có thể tự tại hồn nhiên “hòa kỳ quang, đồng kỳ trần” cho được?

Hễ mở miệng nói câu “làm sao để được” là còn xa ngàn dặm mất rồi.

Làm sao để được thành chánh quả

Cứ loay hoay tính chuyện ngoài da

Nơi sinh tử muôn đời phước họa

Sao chẳng dừng ngàn dặm bên ba?

Quả ngã mạn

12. QUẢ NGÃ MẠN

Sư không ăn chay. Một tín đồ không phục nên không chịu đánh lễ.

Sư nói:

- Chỉ mới một bụng rau cải mà ngã mạn như thế, huống nữa đắc quả thì ngã mạn đến chừng nào!



Lời góp ý:

Pháp môn tu nào cũng chỉ là phương tiện, có giá trị như phương thuốc chữa bệnh, ai có bệnh thì dùng, ai không bệnh thì thôi. Người tu pháp môn này, kẻ tu pháp môn khác, đó là vì tùy bệnh mà chữa. Không phải ai không tu pháp môn của mình đều là sai cả.

Người mắc bệnh phải uống thuốc, cần uống đúng giờ giấc liều lượng và chừng nào hết bệnh thì thôi, uống hoài chỉ sinh bệnh khác.

Uống thuốc là việc bắt buộc dĩ, chẳng có gì đáng hãnh diện với phương thuốc này hay phương thuốc nọ. Đáng lẽ phải thận vì phải uống thuốc thì đúng hơn. Cũng như người ghiền thuốc lá, khi muốn bỏ phải dùng kẹo để cai, khi bỏ được cũng chẳng hơn chi người không hút, huống hồ là kiên cố với thứ kẹo để cai. Hoặc bỏ thuốc rồi ghiền kẹo thì đúng là “đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh”.

*Pháp môn tu là thuốc chữa bệnh phiền não, trong phiền não, ngã mạn là bệnh lớn, chữa phiền não sao lại để ngã mạn lớn hơn? Cho nên Kinh dạy: “**Pháp như người đưa thuyền qua sông, pháp còn phải bỏ huống là phi pháp**”.*

-ooOoo-

13 - 24

Đấng Phạm Thiên bất động

13. ĐÁNG PHẠM THIÊN BẤT ĐỘNG

Thiên Sư xuống trần thấy một đạo sĩ Yoga đang tuyệt thực, ngồi ngay ngắn trong một tịnh thất kín đáo yên tĩnh, thân tâm bất động.

Thiên Sư hỏi:

- Đạo sĩ ngồi như vậy để làm gì?
- Để thể nhập đấng Phạm Thiên.

Thiên Sư ngơ ngác nhủ thầm:

- đấng chí tôn ban cho hân uống ăn, đi đứng, hoạt động, hiểu biết, tư duy, ngủ nghỉ v.v... có cái nào ngăn trở hân thể nhập với Ngài đâu? Hay là hân muốn Ngài phải bất động theo hân?



Lời góp ý:

Pháp vốn đầy đủ mọi điều, không phải chỉ có tịnh mà không động, hữu mà không vô, tánh mà không tướng, thể mà không dụng...

Có người nọ được giao cho “ngôi nhà pháp” đầy đủ mọi thứ tiện nghi. Nhưng anh lại bị bịt mắt, chẳng thấy thứ gì nên đi đâu đứng đó. Đứng trên đầu thì lo tránh chỗ cao, đứng dưới chân thì ngại ngừng chỗ thấp, đứng dao thì đứt, đứng lửa thì phỏng,... nên đối với anh mọi vật chỉ là tai họa ! Anh bèn nghĩ “bây giờ cứ ngồi một chỗ là tốt nhất” .

Nhưng ngồi mãi cũng có cái khổ của ngồi, lại còn cần phải uống, phải ăn, phải tiểu, phải đại, ... ngồi hoài sao được. Thế rồi anh lại đứng dậy đi, đi thì lại đứng. Lần này anh tự nhủ: “À, phải rồi, bây giờ mình dẹp hết mọi thứ là yên” .

Thế là đứng gì anh dẹp nấy, trong nhà rộng rãi mọi thứ trống trơn. Chưa kịp hân hoan thì bụng đói, nhưng cơm đâu có mà ăn, nước đâu mà uống, mệt lả chẳng có giường mà nằm, lạnh queo chẳng mền đâu mà đắp. Té ra ngôi nhà trống trơn lại càng thêm khổ.

Anh lại nghĩ “thôi mình bỏ nhà này đi tìm nhà khác”. Cuối cùng anh cũng mò mẫm đến được ngôi nhà bên cạnh. Nhưng khi đến nơi mọi việc cũng hoàn như cũ. Anh thở dài ảo não, thất vọng chán chường, khóc lóc thảm thiết. Ý nghĩ cuối cùng đến với anh là “chỉ còn tự tử là xong” .

Có kẻ sáng mắt đi qua, lấy làm lạ gạn hỏi. Anh kể lể đầu đuôi tự sự. Người sáng mắt nói: “Tránh mọi vật hay bỏ chúng đi, ra khỏi nhà hay toan tự tử phỏng có lợi ích gì ? Chỉ vì anh bị bịt mắt mà không thấy, chứ mọi vật đâu có tội tình gì, sao không chịu mở mắt ra mà lại ngồi than oán ?”.

Chúng sanh cũng thế, sợ động tìm tịnh, chán tịnh tìm động, lấy tánh bỏ tướng, tránh thể tìm dụng,... đều y như vậy. Nói là thể nhập vạn pháp mà lại bắt vạn pháp chịu theo ý mình.

Pháp vốn không sai không đúng, vì chấp THỂ mà thành ra chơn, giả. Pháp cũng không sạch không dơ vì chấp TƯỚNG mà hóa thành xấu, đẹp. Pháp lại chẳng hay, chẳng dở vì chấp DỤNG mà biến thành thiện,

Tuệ quán

14. TUỆ QUÁN

Người lãnh trách nhiệm quét dọn thiền đường đang làm việc, thấy Sư bước vào, người ấy hỏi:

- Hành Tuệ Quán có khó không?

Sư nói:

- Từ lâu ta có nghe người than van gì về việc quét tước đâu.



Lời góp ý:

Tuệ Quán (pannaya passati) còn gọi là quán chiếu Bát Nhã, hoặc Tuệ Minh Sát, Tuệ Quán Chiếu (vipassanà) v.v... đều lấy Tuệ Giác mà chiếu soi thực tướng của vạn pháp. Nói “kiến tánh”, nói “thấy thực tướng” đều chỉ là cách nói khác nhau về cùng một sự kiện. Thấy cái này tức thấy cái kia, không thấy cái này thì cái kia cũng mù tịt. Không thể chỉ thấy cái này mà không thấy cái kia được.

*Hành Tuệ Quán chính là lặng lẽ chiếu soi hòng nhiên trong sáng. Có tinh tấn nên không phải dễ. Không gắng sức nên chẳng phải khó. Còn đối tượng của Tuệ Quán chính là thực tại hiện tiền (pháp đang là, đương xứ) nên Kinh nói : **“Chỉ có pháp hiện tại, tuệ quán chính là đây”**. Pháp lúc nào cũng hiện tiền : đi - đứng - ngồi - nằm, lau chùi - quét tước, tâm - vật, trong - ngoài chẳng luôn điều gì nên quán nên không. Cứ thực tại hiện tiền mà thấy y như thị (yathabhutam), đừng để tướng mê ngăn ngại, đừng để tướng vọng che lấp là Như Lai lập tức xuất hiện ở đời. Tướng mê thấy là tướng mê, tướng vọng thấy là tướng vọng thì “vô minh thực tánh tức Phật tánh”.*

Vậy, Tuệ Quán chính là:

“Tâm địa nhược không

Tuệ nhật tự chiếu”.

Nghe Pháp thuyết

15. NGHE PHÁP THUYẾT

Một nhóm thiên sinh đến thỉnh Sư đăng đàn thuyết pháp.

Sư nói:

- Quý vị nghe thuyết pháp đã nhiều, bây giờ nghe pháp thuyết đi chứ.



Lời góp ý:

*Thuyết pháp tức là dùng ngôn ngữ để chỉ bày chân lý. Đức Phật thấy chân lý bằng tuệ giác chứ không qua ngôn ngữ của lý trí. Chân lý thuộc về đệ nhất nghĩa đế (paramattha), còn ngôn ngữ thuộc về chế định của tục đế (pannatti). Nhưng chúng sanh không thấy được chân lý nên Đức Phật phải dùng ngôn ngữ để chỉ bày. Người nghe thuyết pháp không nên lệ thuộc vào ngôn ngữ mà chỉ nương ngôn ngữ để thấy chân lý. Người ta thường lắng nghe người thuyết pháp và ngôn ngữ người ấy thuyết để tìm ra một ý nghĩa cao siêu nào đó chứ không chịu lắng nghe chính “**cái pháp**” mà ngôn ngữ ấy chỉ bày.*

Chân lý tự nó luôn luôn hiển hiện sự thật mà không cần ngôn ngữ, đó là cách mà chân lý (pháp) tự thuyết minh chính mình. Ai biết lắng nghe sự tự thuyết ấy của chân lý, người ấy biết nghe pháp thuyết vậy.

Pháp trong Đạo Thiên Chúa gọi là Đức Chúa Cha. Còn Đức Chúa Con sở dĩ được gọi là Ngôi Lời vì Ngài chỉ bày sự có mặt của Đức Chúa Cha. Đó chính là thuyết pháp. Đức Chúa Thánh Thần thì có nhiệm vụ mặc khải sự có mặt của Đức Chúa Cha, không bằng ngôn ngữ như Đức Chúa Con, mà bằng cách hiện ra hình ảnh để từ đó người ta có thể nhận diện được Đức Chúa Cha. Đó chính là pháp thuyết.

So sánh với Phật Giáo, Đức Chúa Cha là Pháp Tánh, Đức Chúa Con là người giác ngộ và chỉ bày Pháp Tánh. Đức Chúa Thánh Thần là hiện tướng của Pháp vậy.

Mắt 32 thân

16. MẮT 32 THÂN

Một người thắc mắc về khả năng cứu độ của Đức Quán Thế Âm bèn hỏi Sư:

- Đức Quán Thế Âm thần thông biến hóa như vậy sao không cứu độ tất cả chúng sanh vào cảnh giới cực lạc mà cứ để họ trầm luân khổ nạn hoài?

Sư nói:

- Úi chà! Nếu được như ý người thì Bồ Tát mất hết 32 thân!



Lời góp ý:

Nếu người ta chỉ biết Đức Quán Thế Âm như là một nhân vật, một vị Bồ Tát từ bi quảng đại, biến hóa vô cùng, có thể ứng hiện “32” thân để tùy căn duyên chúng sanh mà cứu độ, thì người ta cũng không khỏi thắc mắc khi thấy mặc dù Đức Quán Thế Âm có Đại Từ Bi, Đại Thần Lực như vậy mà sao thế gian khổ hải vẫn hoàn là khổ hải?

Lại nữa, không phải chỉ có một Đức Quán Thế Âm mà có vô số Bồ Tát như vậy. Riêng các vị Bồ Tát cùng hạnh nguyện, cùng danh xưng với Đức Quán Thế Âm cũng đã là vô số kể. Vậy tại sao “tam giới” vẫn “bất an do như hỏa trạch”?

Những nguyên lý trong Đạo Phật mà ai cũng biết là “tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác”, “nhân nào quả nấy”, “ai tu nấy đắc”, “hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi”, v.v... chứng tỏ người Phật tử không y lại vào tha lực, vào sự cứu rỗi của một ai khác. Pháp vốn tự nó đã có luật nhân quả thưởng phạt phân minh. Vậy liệu Đức Quán Thế Âm có thể can thiệp vào sự công minh rành rẽ của pháp giới được chăng?

Mặt khác, Đạo Phật không phải nhằm mục đích trốn lánh chân lý về sự khổ mà người Phật tử phải đối diện trực tiếp với cái khổ để thấy rõ nguyên nhân phát sinh ra nó. KHỔ là một thực tại cần được “thấy, biết, hiện quán và thực chứng”. Đạo Phật không dạy thoát khổ bằng con đường trốn lánh hoặc cầu xin một sự cứu rỗi bên ngoài mà bằng con đường trí tuệ tự chứng.

Như vậy Chư Bồ Tát nói chung và Bồ Tát Quán Thế Âm nói riêng có ý nghĩa gì trong biện chứng giải thoát của Đạo Phật? Thực ra đây chỉ là ý nghĩa biểu tượng: Bồ Tát nói chung tượng trưng cho tướng dụng THIỆN MỸ của Pháp. Về phương diện này Pháp có hai: nội pháp (tâm) và ngoại pháp (cảnh).

1) Đối với tâm pháp, Bồ Tát tượng trưng cho tín, tấn, niệm, định, huệ, từ, bi, hỷ, xả và tất cả thiện pháp. Ngược lại là chúng sanh, như tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến và tất cả bất thiện pháp. Riêng Đức Quán Thế Âm tượng trưng cho từ bi và chánh niệm. Khi một ác pháp khởi lên trong tâm, đó là một chúng sanh đang đau khổ, đang bị đốt cháy, đang bị đắm chìm, đang bị trôi buộc, v.v... Chỉ có Bồ Tát chánh niệm (+ tỉnh giác) mới cứu độ được ác pháp đó ra khỏi trầm luân sinh tử nên “Ngài” quả là từ bi vô lượng. Bất kỳ ác pháp khởi lên ở đâu, chánh niệm cũng đều tới được để độ, nên thần thông biến hóa - nhất là “nhĩ căn viên thông” - của “Ngài” quả là quảng đại. Khi khổ, niệm Quán Thế Âm thì hết khổ, có nghĩa là, khi khổ nhớ tới Chánh Niệm Tỉnh Giác là hết khổ vậy.

2) Đối với ngoại pháp, Bồ Tát tượng trưng cho các quy luật biểu hiện tính chất công minh, minh bạch, rành rẽ, chính xác v.v... của pháp giới tánh như:

- Biya - niyàma: định luật về giống loại, nhân quả, di truyền v.v...
- Utu - niyàma: định luật về thời tiết, khí hậu, thiên văn v.v...
- Dhamma - niyàma: định luật về vật lý, hóa học v.v...

Những quy luật này luôn luôn tác động vào đời sống chúng sanh khiến họ dần dần học ra được bản chất thật của pháp. Vậy những định luật này chính là những vị Bồ Tát luôn nhắc nhở chúng sanh quay về với sự thật (chân lý), giúp chúng sanh giác ngộ là lòng từ bi của Bồ Tát, và biến hóa vô cùng của các hiện tượng chính là thần thông quảng đại: đó là Quán Thế Am đích thực vậy.

Ví dụ, vì tham ăn mà ta đau bụng. Nhân quả này giúp ta thấy ra sai lầm của lòng tham. Hoặc vì tu sai bị “tẩu hỏa nhập ma” nhờ vậy mà biết mình tà kiến. Hoặc thấy sinh, già, bệnh, chết mà biết được vô thường sinh diệt. Vậy pháp tướng tác động trong đời sống hàng ngày chính là Chư Bồ Tát. Chỉ cần chánh niệm tỉnh giác là thấy được pháp tướng pháp tánh như thật. Vì thế sự thể hiện chân tướng của pháp chính là Bồ Tát Quán Thế Am vậy.

Nếu ác pháp khởi lên trong tâm mà không có “Bồ Tát Quán Thế Am Chánh Niệm Tỉnh Giác” thâm nhập vào cõi “ngũ trược ác thế” đó để độ cho thì làm sao giải thoát được.

Nếu tham ăn đủ thứ mà không có “Bồ Tát Quán Thế Am Đau Bụng” thì làm sao chữa lành bệnh được.

Do không thấy diệu dụng “32” thân của pháp nên con người mới có dục vọng cầu toàn. Nhưng không biết rằng chính hiện tướng 32 thân tự nó đã hoàn toàn đầy đủ tính chất biến hóa vô cùng, từ bi quảng đại. Nếu “hoàn toàn” như dục vọng của con người mà có thật thì đâu còn 32 thân của pháp nữa.

Tứ niệm xứ

17. TỨ NIỆM XỨ

Tứ niệm xứ là cội nguồn của các môn thiền quán, lấy thực tại đang là làm đối tượng (thân, thọ, tâm, pháp trong và ngoài). Vọng cầu ngoài thực tại hiện tiền là “*hướng ngoại cầu huyền*”. Thấy đúng thực tánh của thực tại hiện tiền là “*kiến tánh thành Phật*”.

Mặc dù được giảng như vậy, một thiền sinh vẫn mù tịt. Một hôm gặp Sư, thiền sinh hỏi:

- Đây là thực tại hiện tiền của Tứ Niệm Xứ?

Sư đáp:

- Ai hỏi đó?



Lời góp ý:

Thực tại hiện tiền của Tứ Niệm Xứ (bốn lãnh vực quán niệm) là thân, thọ, tâm, pháp bên trong và bên ngoài.

Thực tại hiện tiền của Chiếu Kiến Bát Nhã (Bát Nhã Tâm Kinh) là 5 uẩn, 18 giới, 12 nhân duyên, 4 đế.

Thực tại hiện tiền của Kiến Tánh Thành Phật (Thiền Tông Trung Hoa) là “ương xứ tức chân” v.v... và v.v...

Đó là ngôn ngữ khác nhau để chỉ cùng một thực tại. Người mê kẹt ngôn ngữ, sùng lý trí, chấp pháp môn, mê tông phái,... liền khởi tà kiến phân biệt cao - thấp, tiểu - đại, tiệm - đốn, hơn - thua,... thật đáng thương thay!

Thực tại vượt ngoài ngôn ngữ và lý luận. Ngay khi lý trí đặt vấn đề “đâu là thực tại” thì thực tại Sanditthiko (trực hạ tiện kiến), Acinteyya (bất khả tư nghị) đã ngàn trùng xa cách!

Sư đáp: “Ai hỏi đó?”

Tổ Đạt Ma nói: “Đưa cái tâm đây ta an cho”

Ngài Huệ Năng rằng: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác”

Bách trượng bảo: “Ra làm vườn đi”

Lâm Tế hét.

Còn Bát Nhã Tâm Kinh thì “ngũ uẩn giai không”.

Họ toa rập nhau làm chuyện gì các vị có biết không?

Nếu không thì chẳng khác gì túi cơm giá áo!

Tu sửa

18. TU SỬA

Một thiền sinh hỏi:

- Có phải tu là sửa không ?

Sư nói :

- Không.

- Vậy là không sửa ?

- Cũng không .

Thiền sinh không hiểu, thắc mắc:

- Như vậy tu phải làm sao ?

Sư đáp :

- Không sửa thì kẹt cái này, sửa thì thành ra cái khác.



Lời góp ý:

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy: “Quả thật trong sự sụp đổ của chính mình, người ngu đi tìm tri thức và sở đắc mà không biết rằng chính điều đó chẻ cái đầu nó ra làm hai”.

Dục vọng của con người thường phóng ra một lý tưởng trong tương lai rồi nỗ lực thực hiện cho bằng được lý tưởng đó, không biết rằng người ta đang chạy theo một ý niệm, một vọng tưởng, một ảo ảnh do bản ngã vẽ ra, nhằm thỏa mãn tham vọng của mình. Tu sửa phải chăng là ý đồ thay thế cái bản ngã đang bị bắt mãn bằng một bản ngã vừa lòng hơn? Vậy ý niệm tìm kiếm, chứng đạt, sửa đổi v.v... chỉ là công cụ của vô minh dục vọng hầu làm giàu thêm cho bản ngã mà thôi chứ không thể nào giải thoát một cách rốt ráo ra khỏi bản ngã được. “Chẻ cái đầu ra làm hai” là như vậy.

Nếu thế phải chăng tu là giữ nguyên trạng cái ngã đang có ? Nếu giữ nguyên trạng cái ngã vì tự mãn, dính mắc, chấp thủ, đắm mê, đắm trước thì đó cũng là vô minh dục vọng. Còn nếu giữ nguyên trạng cái ngã chỉ vì “luân hồi nào biết mối manh nẻo về” thì đó chính là mê muội bất giác trong bể khổ trầm luân.

Đức Phật dạy: “Như Lai không bước tới, không dừng lại mà thoát khỏi bực lưu”. Vậy con đường tu của Ngài không phải là sửa đổi, cũng không phải là không sửa đổi. Cốt tử của chỗ tu hành hoặc hạ thủ công phu là mê hay ngộ. Mê thì đâu cũng là biển khổ, ngộ thì đâu cũng là bờ giác.

Trong tinh tấn chánh niệm tỉnh giác, sửa đổi hay không sửa đổi chủ quan không còn chỗ đứng, chỉ có pháp đương xử chính là “tịch diệt hiện tiền”, “vô sinh bất diệt”, “Đại Bát Niết-bàn”.

Quá khứ không truy tìm

Tương lai không ước vọng

Chỉ có pháp hiện tại

Tuệ quán chính là đây

Không động không rung chuyển

Biết vậy nên tu tập

Hôm nay nhiệt tâm làm

Ai biết chết ngày mai.

Không luyến tiếc quá khứ, không mơ mộng tương lai, không đắm chìm hiện tại, chỉ còn lại pháp tự nó vận hành thì đâu cần phải sửa hay không sửa để làm gì?

Khi ngộ rồi “núi vẫn là núi, sông vẫn là sông”, nên nếu có thay đổi thì đó chính là sự thay đổi tự nhiên của pháp như bản chất muôn đời của nó.

Kinh Pháp Hoa

19. KINH PHÁP HOA

Có một thời tôn giáo bị hạn chế, Kinh sách không được in ấn, vì vậy tín đồ đưa nhau đi thỉnh Kinh. Nghe nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa được nhiều người tìm kiếm nhất vì người ta tin rằng đọc tụng Kinh này sẽ được vô lượng phước đức, tai qua nạn khỏi.

Một hôm có người khách đến xin Sư chỉ dẫn cho ở đâu có Kinh Pháp Hoa để thỉnh. Sư ngạc nhiên hỏi:

- Thế còn Kinh Pháp Hoa của ông đâu?



Lời góp ý:

“Nhất thiết Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ” - tất cả Kinh điển đều như ngón tay chỉ mặt trăng. Chấp lầm ngón tay là mặt trăng thì chẳng bao giờ thấy được mặt trăng thật.

Kinh điển thường dùng biểu tượng ẩn dụ để chỉ bày chân lý. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa mượn tên Hoa Sen để chỉ sự tròn đầy tánh tướng thể dụng của tự tánh mỗi người. Trong các phẩm của Kinh lại mượn nhiều biểu tượng và ẩn dụ để “khai thị” cho chúng ta “ngộ nhập Phật tri kiến”. Vậy Kinh “Pháp Hoa văn tự” không phải là Kinh “Pháp Hoa tự tánh”. Người xem Kinh “Pháp Hoa văn tự” phải biết giải mã các biểu tượng và ẩn dụ thành Kinh “Pháp Hoa tự tánh”. Thí dụ trong phẩm Hiện Bảo Tháp :

Phật Đa Bảo: thực tánh Pháp.

Tháp Đa Bảo: thực tướng Pháp.

Phật Thích Ca: sự thể hiện Phật tri kiến.

Hiện giữa hư không: vô ngã, tánh không.

Phật Đa Bảo ngồi trong Tháp Đa Bảo: thực tánh ở trong thực tướng.

Phật Thích Ca cùng ngồi một bảo tòa với Phật Đa Bảo: Phật tri kiến và thực tánh pháp là một.

28 phẩm trong Kinh “Pháp Hoa văn tự” đều chỉ mô tả cảnh thuyết pháp và ngầm gợi ý chứng minh, chỉ bày đâu là Kinh Pháp Hoa thật, đồng thời kín đáo hướng dẫn cách ngộ nhập Kinh Pháp Hoa thật đó.

Người biên chép, đọc tụng, giảng nói Kinh Pháp Hoa cứ tưởng là biên chép, giảng nói “Kinh Pháp Hoa văn tự” mà quên rằng “biên chép, đọc tụng, giảng nói” chính là thực hành Phật tri kiến trên tự tánh mình vậy.

Thiền Tông cũng dạy người ta “đọc tụng” Kinh Pháp Hoa bằng cách :

Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền

Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật.

“Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền” tức là phải lìa “Kinh Pháp Hoa văn tự” bằng cách “ý nghĩa bất y ngữ” hoặc phải biết cách đọc “ý tại ngôn ngoại”.

“Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật” tức là phải đọc thẳng vào “Kinh Pháp Hoa tự tánh” để trực ngộ sự thật.

Vậy làm thế nào để có thể thực sự “biên chép, đọc tụng, giảng nói Kinh Pháp Hoa tự tánh”? Kinh điển Nguyên Thủy dạy rất rõ ràng rằng chúng ta chỉ cần tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác đối với thực tại hiện tiền, có như thế chúng ta mới thấy đúng (như thị) tánh, tướng, thể, dụng, tác, nhân, quả, duyên, báo và bản lai diện mục toàn diện của Pháp.

Thấy Pháp như thị sinh, trụ, di, diệt, thành, trụ, hoại, không, vị ngọt, sự nguy hại mà không thủ không xả, đó chính là Chánh Biến Tri, là sử dụng Phật Tri Kiến đối với tự tánh Pháp (sabhàvadhammo) vậy.

Tiếc rằng người ta chỉ biết đi tìm Kinh Pháp Hoa văn tự mà bỏ quên Kinh Pháp Hoa tự tánh vẫn luôn luôn hiện hữu trong đời sống mỗi người!

Mục đích

20. MỤC ĐÍCH

Một võ sư lừng danh hỏi người đệ tử mới nhập môn:

- Con muốn học võ à?
- Vâng, con muốn học võ để chiến thắng kẻ địch.
- Con ạ, còn nghĩ đến chiến thắng và kẻ địch thì chưa học võ được đâu vì còn hiếu thắng.
- Vậy con chỉ học võ để tự vệ thôi.
- Còn đề kháng tự vệ cũng chưa học võ được vì còn vị kỷ.
- Nếu vậy con học võ để làm gì?
- Lại để làm gì ! Chung quy con vẫn còn vướng vào một mục đích.

Võ sinh ngạc nhiên :

- Nhưng làm thế nào có thể học võ mà không có mục đích?

Võ sư ung dung bước ra giữa võ đường múa một bài quyền và nói:

- Người cứ thế mà làm không được sao ?

Lời góp ý:

Hình như con người không thể sống mà không có mục đích. Nhưng mục đích thì hầu như luôn ở tương lai phía trước : tôi sẽ là, tôi sẽ có, tôi sẽ được, tôi sẽ hơn, tôi sẽ thành công, tôi sẽ chiến thắng v.v... và v.v... Vì vậy người ta phải mong ước, đợi chờ và hy vọng. Hạnh phúc của con người tiếc thay lại đặt hầu hết trên niềm hy vọng mà hậu quả của nó là: “Vị đạo sanh bình hận bất tiêu”, hoặc “Đạo đắc hoàn lai vô biệt sự”.Rốt rồi cả hai cũng chỉ là... thất vọng. Vì vậy William Faulkner có lý khi nói : “Con người là tổng số của những nỗi thống khổ, nhưng khi bạn hy vọng một ngày kia những nỗi thống khổ ấy sẽ vơi đi, lúc bấy giờ thời gian chính là nỗi thống khổ của bạn.”

Ngày mai, hy vọng và thời gian chính là nội dung của tư tưởng và bản ngã. Chúng khởi lên cùng một lúc với phiền muộn, khổ đau và thất vọng. Nói một cách khác, khi bản ngã đề ra một mục đích thì ngay lập tức nó mời gọi tư tưởng, thời gian, đợi chờ và đau khổ cùng hiện hữu.

Nhưng khi một mục đích “tốt hơn” được phóng hiện qua thời gian và tư tưởng thì có nghĩa là bản ngã đang bất mãn với chính nó trong điều kiện hiện thời. Cho nên ta có thể có công thức:

Bất mãn hiện tại + ảo vọng tương lai = chuỗi dài đau khổ.

Cũng cần phải mở ngoặc rằng, có hai loại mục đích: một mục đích có tính kỹ thuật và một mục đích có tính tâm lý. Thí dụ, khi đói bụng ta nấu ăn để mà ăn, khi mệt ta nghỉ cho khỏe v.v... Đó là những mục đích có tính kỹ thuật rất cần cho đời sống con người. Ở đây chúng ta đang nói đến mục đích có tính tâm lý, hoang tưởng, ảo tưởng, ảo vọng,..., con đẻ của bản ngã vô minh ái dục. Chính những mục đích này mới là nguyên nhân của phiền não khổ đau.

Nhưng cho dù là mục đích nào, khi con người quá chú trọng đến tương lai mà bỏ quên thực tại thì có nghĩa là họ đang đánh mất cái hạnh phúc sẵn có để mong cầu một thứ hạnh phúc chưa có. Ở khoảng giữa thời gian sự vắng mặt của hai thứ hạnh phúc này, ắt hẳn chỉ là đau khổ!

Người ta không biết rằng, hạnh phúc, chân lý và sự toàn hảo vốn đã đầy đủ trong thực tại hiện tiền, nên người ta cứ loay hoay đi tìm ảo ảnh như là mục đích lý tưởng của cuộc đời. Vì vậy Chúa nói: “Tiếc thay mùa màng thì phong phú mà chẳng có người gặt” và Ngài Huệ Năng nói: “Hà kỳ tự tánh bản tự cụ túc”. Còn một triết gia Tây phương thì nói rằng: “Hạnh phúc là cái khi bạn đuổi bắt thì nó vượt khỏi tầm tay. Nhưng khi bạn dừng lại thì nó ở cùng với bạn.”

Nghệ thuật sống hạnh phúc chính là ở chỗ biết dừng lại như thế. Bạn có thể nào làm tất cả mọi việc, kể cả hoạch định một kế hoạch tương lai, mà vẫn không đánh mất thực tại hiện tiền hay không? Được, miễn là bạn làm mọi việc trong sáng suốt, định tĩnh, trong lành. Đó chính là mục đích không mục đích của sự sống muôn đời...

Du hí thần thông

21. DU HÍ THẦN THÔNG

Sư cận thị, tín thí đem dâng Sư mỗi người một cặp kính cận, vì vậy Sư đeo khá nhiều kính khác nhau. Vị thị giả hỏi:

- Sao Thầy đeo nhiều kính thế?

Sư đáp:

- À, đó, là du hí cận thị thần thông.

Hôm sau lại thấy Sư không đeo kính, thị giả hỏi:

- Sao hôm nay Thầy không đeo kính?

Sư nói:

- À, đó là thần thông du hí cận thị.



Lời góp ý:

Có người nói : “Tôi phải là”, thế rồi cố gắng dựng lên cho mình một con người mẫu với nào là phong cách, nhân cách, tính cách v.v... và rồi những tập tính đó trở thành thói quen. Vô tình anh ta tự giam mình trong tháp ngà tù ngục của chính mình, muôn đời khó thoát.

Nhiều người tu hành cũng không tránh khỏi cái bẫy đó. Hình như họ nỗ lực để trói buộc mình hơn là cởi mở mình ra khỏi những trướng thúc của ý niệm vọng ngã. Họ cố làm ra vẻ giản dị chỉ càng gây thêm phức tạp, họ làm ra bậc Bồ Tát chỉ phơ bày tâm địa hẹp hòi. Vì vậy mà một hôm có vị Tăng đến xin Thiền Sư chỉ cho cách cởi mở trói buộc, Thiền Sư nói : “Có ai trói buộc người đâu!”

Nếu một người thấy pháp đến đi, sinh diệt như thị như thực thì cái xấu cái tốt, cái mất cái còn, cái thuận cái nghịch đâu có gì vương bận. Khi có kính thì Sư đeo, khi bị dẫu đi thì Sư cứ nhìn đời bằng đôi mắt cận thị. đeo kính thì thấy chỗ diệu dụng của kính. Không đeo kính thì thấy chỗ diệu dụng của đôi mắt trần. Thế giới mờ ảo hay rõ ràng đều có cái hay của nó. Thực tướng không phải ở cảnh, sắc, cũng chẳng phải ở nhãn căn mà ở nơi cái nhìn giác ngộ.

Đã thấy chỗ nhiệm mầu của pháp thì không đòi hỏi một điều kiện tất toàn mà “tùy sở trú xứ thường an lạc”. Khổng Tử cũng nói : “Tùy cảm nhi ứng, tùy ngộ nhi an”. Cho nên chỉ người mê mới cầu toàn, còn người ngộ thì cứ “tùy duyên” mà vẫn “bất biến”.

Cổ đức nói : “Đói ăn một ngụ là thiền, bữa cùi gánh nước là diệu dụng thần thông”. Người như thế ắt có thể thông dong trong vạn pháp mà đêm ngày sáu thời vẫn an lành tự tại.

Tới lui chừ không động

Sinh tử chừ thông dong

Đoạn thường chừ chẳng có

Nhất dị chừ cũng không.

Trà Đạo

22. TRÀ ĐẠO

Khách đến viếng một trà thất, chủ nhân tiếp đón theo nghi phong trà đạo Nhật Bản. Khách thì lại cứ rót trà uống tự nhiên không theo luật lệ nào cả.

Thấy vậy, chủ nhân khéo léo thuyết minh về trà đạo, về cách pha trà và phong thái uống trà v.v...

Nghe xong, khách nói:

- À, thì ra trà đạo là vậy! Tôi cứ tưởng đạo trà là khát thì uống thôi chứ.

Rồi khách xuất khẩu ngâm:

Xưa nay trà là đạo

Khát chỉ việc uống thôi

Nghĩ thêm trà với đạo

Đầu thượng trước đầu rồi!



Lời góp ý:

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Đạo Phật bắt đầu được vận dụng cho thích nghi với trình độ căn cơ của quần chúng. Những nguyên lý giải thoát trong thời Nguyên Thủy được cụ thể hóa cho phù hợp với sinh hoạt xã hội. Đó là những phương tiện thiện xảo tiếp độ quần sanh.

Nhưng khi đã vận dụng thành phương pháp cụ thể kèm theo những hình thức nghi lễ, luật tắc thì không tránh khỏi hiệu ứng hai chiều. Chiều thuận là chuyển hóa quần chúng dần dần vào đạo. Chiều nghịch là làm khô chết nguyên lý linh động ban đầu, khiến cho người ta chỉ còn lệ thuộc hình thức, chẳng thấy nội dung, chấp chặt phương tiện bỏ quên cứu cánh. Sự chân thành, trang nhã, tinh khiết, giản dị, trong sáng, bình lặng lúc đầu mà phương tiện trà đạo muốn cống hiến, dần dần chỉ còn là cách pha trà, cách nâng chén... như một thứ nghi lễ trình diễn bên ngoài.

Nếu chỉ giữ nguyên lý (thiên) thì quá xa với quần chúng. Nếu vận dụng thành phương tiện (địa) thì đã rơi vào hình thức. Chỉ có người thức ngộ mới có thể thể hiện nguyên lý mà không lệ thuộc vào hình thức, sử dụng hình thức mà không rời xa nguyên lý trong mỗi nhịp sống hài hòa (nhân). Đối với họ, không có cái gì không phải là Đạo. Không có hành động nào không trong sáng hồn nhiên và lặng lẽ.

Ngày kia có người hỏi :”Cái gì là Đạo?”

Thiền Sư trả lời :”Thế người nói cái gì không phải là Đạo?”

Phật ở đâu

23. PHẬT Ở ĐÂU

Những người chủ nghĩa duy lý không hiểu sao người ta lại cứ ngồi lâm râm niệm Phật từ giờ này qua giờ khác, thật là mê tín, vô ích, vô lý và rõ ràng là thiếu cơ sở.

Một người trong nhóm họ không chịu nổi sự vô lý đó nên đến hỏi Sư cho ra lẽ:

- Không ai thấy Phật ở đâu sao người ta lại niệm?

Sư nói :

- Nhưng nếu có Phật ở đâu thì ai lại niệm làm gì?



Lời góp ý:

Nguyên nghĩa của niệm Phật không phải là lâm râm khấn vái danh tánh của một vị Phật hay Bồ Tát để cầu xin một điều gì. Niệm Phật là ghi nhớ đức tánh của bậc giác ngộ. Như Araham là tánh thanh tịnh giải thoát, Buddho là tánh giác, Vijjā-carana-sampanno là tánh sáng suốt và công hạnh viên mãn v.v... Niệm Phật như vậy là để phát huy tánh giác nơi chính người niệm, nhờ thế những đức tánh như tinh tấn, chánh niệm, tỉnh giác, từ bi, hỷ xả,... sẵn có nơi mọi người được khai mở và sử dụng. Và chính những đức tính Phật này cứu họ ra khỏi thất niệm bất giác của vô minh ái dục, phiền não khổ đau, luân hồi sinh tử. Đó chính là niệm Phật tại tâm vậy.

Nhưng về sau, để vận dụng cho căn cơ đức tin, các nhà hoằng pháp đặt ra phương pháp niệm nhiều danh hiệu Phật và Bồ Tát tượng trưng cho những đức tánh từ bi, tánh giác, vô sanh, thanh tịnh v.v... Nhờ tin ở Phật và Bồ Tát bên ngoài này, người ta cố gắng niệm Phật ngày đêm mà vô tình phát huy được chánh niệm, tỉnh giác, từ bi, thanh tịnh ngay nơi tự tánh của họ.

Như, do niệm Phật thành tâm mà lòng từ phát khởi, khổ báo được yên nên nhân cách hóa Đức Quán Thế Âm. Do niệm Phật trong lành mà phát khởi thiện tâm, không thoái hóa vào đường ác, nên nhân cách hóa thành Đức Địa Tạng. Do niệm Phật thanh tịnh mà tâm hồn sáng suốt thoát khỏi mê đồ, nên nhân cách hóa thành Đức Di Đà. Do niệm niệm trầm tĩnh mà chân khí hoàn nguyên, tiêu tan tật bệnh nên nhân cách hóa thành Đức Dược Sư ...

Vậy người niệm Phật đến chỗ vô biệt niệm thì đâu cần phải có Phật ở đâu, vì ngay nơi một niệm bất động bất thoái chuyển thì cả tam thiên đại thiên thế giới đều trở thành vô nghĩa, huống gì nói đến cái gọi là “cơ sở” của người trần mắt thịt!

Nam mô thường bất khinh

24. NAM MÔ THƯỜNG BẤT KHINH

Một số thiền sinh đang ngồi bàn cãi về ý nghĩa một câu Kinh. Mỗi người đưa ra một kiến giải khác nhau, ai cũng cho mình đúng, kẻ khác sai.

Sư đi ngang qua, ngâm bài kệ:

*Cũng chỉ một lời Kinh
Tùy căn cơ sai khác
Kiến giải bất đồng tình
Nam Mô Thường Bất Khinh.*



Lời góp ý:

Y Kinh giải nghĩa tam thể Phật oan

Lý Kinh nhất tự tức đồng ma thuyết.

Cho nên, trừ phi các bậc Giác Ngộ đã thấy sự thật không còn y cứ vào ngôn thuyết, những người học Phật khác không nên tự cho chỗ hiểu của mình là tiêu chuẩn. Với những người đang đi tìm ý nghĩa trong Kinh giáo như thế, chắc chắn kiến giải sẽ bất đồng, nhiều môn phái, nhiều kinh luận ra đời tranh nhau chỗ đứng, ai cũng tự cho mình là nắm được ý chỉ của Phật, nhưng khó mà biết được ai đúng ai sai, ai tà ai chánh.

Sở dĩ kiến giải khác biệt như thế là do căn cơ trình độ bất đồng, điều đó không thể nào tránh được. Người bị quan một chút sẽ than rằng Giáo Pháp đã bị lu mờ hoặc xuyên tạc, không còn có người liễu giải. Nhưng lạc quan một chút thì sẽ thấy rằng Phật pháp giống như nước mưa, trăm cây ngàn cỏ cứ tùy sức mình mà sử dụng. Cây lớn dùng theo sức lớn, cây nhỏ dùng theo sức nhỏ, rồi biến hóa theo cách riêng của mình, đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái mà làm đẹp cho đời.

Đã hưởng được lợi ích của mưa pháp thì tùy duyên tùy sức mà cống hiến cho đời, đừng nên tranh chấp hơn thua ai đúng. Cái sai không phải ở tâm vóc hiểu biết mà ở chỗ ngã mạn cố chấp cho mình là đệ nhất thiên hạ. Không có Kinh Giáo nào của Phật tự cho là đệ nhất. Những Kinh Luận tự cho mình là đệ nhất đều do người sau thêm thắt theo tư kiến tư dục của họ mà thôi.

-ooOoo-

25 - 36

Bị tự do ngăn ngại

25. BỊ TỰ DO NGĂN NGẠI

Một thiền sinh mới nhập môn quen sống phóng túng theo kiểu “thiền du hí” của anh từ lâu, nên không thể nào chấp nhận luật lệ quá nghiêm cần của thiền viện. Anh nói:

- Thiền là tự do giải thoát. Thiền giải phóng con người ra khỏi mọi ràng buộc, vì sao thiền viện này giới luật khắt khe như vậy?

Sư nói:

- Người thật sự tự do thì có thể ung dung trong ràng buộc, cho nên ràng buộc tuy có mà không. Còn người không chịu nổi ràng buộc, vì chưa đủ sức tự tại vô ngại, cho nên ràng buộc vốn không bỗng trở thành ngăn ngại. Tiếc thay, chính anh đã bị tự do ngăn ngại mất rồi!



Lời góp ý:

Có hai thứ ngăn ngại:

- Ngăn ngại bên trong là những sợi dây tự mình ràng buộc như chấp ngã, hoài nghi, thủ trước, dục ái, hữu ái, phi hữu ái, sân hận, trạo cử, vô minh, tật đố, xan tham, lười biếng v.v...

- Ngăn ngại bên ngoài là những ràng buộc trong điều kiện đời sống, hoàn cảnh xã hội, không gian thời gian và những luật lệ khuôn phép v.v...

Cũng có hai loại tự do:

- Tự do nội tại là tự do của người tự mình giải thoát ra khỏi những ràng buộc của chính mình (loại ngăn ngại thứ nhất), không để cho vô minh, ái dục và bản ngã sai sử, buộc ràng và ngăn ngại.

- Tự do ngoại tại là thứ tự do không muốn bị ràng buộc bởi điều kiện xã hội, bất chấp luật lệ, tự tung tự tác, phóng túng tùy tiện.

Đối với những người đã được tự do bên trong thì những ràng buộc bên ngoài không còn là điều kiện ngăn ngại, nên đối với họ “tự do là ung dung trong ràng buộc”. Đó chính là tự tại vô ngại vậy.

Nhưng đối với người mơ ước một đời sống tự do phóng túng bên ngoài thì tất cả mọi điều kiện thực tế của cuộc sống đều trở nên ngăn ngại. Những luật lệ khuôn phép đúng với hoàn cảnh xã hội thường không phải là ràng buộc mà chính là tạo điều kiện cho một đời sống tương đối tự do. Tự do bên ngoài luôn luôn là tự do tương đối, cho nên mơ ước một sự tự do quá tuyệt đối giữa cuộc đời tương đối chính là tự ràng buộc mình thêm.

Ví như một người tự lấy giây trói chặt mình (loại ngăn ngại thứ nhất) rồi lại muốn mang nguyên những trói buộc như thế mà đi lại tự do thì càng bị ý muốn tự do đó hành hạ thêm. Đó là hạng người bị tự do ngăn ngại vậy!

Quở trách thiền định

26. QUỞ TRÁCH THIỀN ĐỊNH

Một thiền sinh quá tinh tấn tham thiền nhập định đến quên ăn bỏ ngủ. Sư trách:

- Anh tham thiền chỉ thêm dục vọng, chẳng ích gì đâu.

Ít hôm sau đi qua thiền đường, thiền sinh ấy thấy Sư đang dạy một số hành giả về cách tọa thiền, anh tức giận hỏi:

- Hôm trước Thầy quở trách tham thiền sao hôm nay Thầy lại dạy tọa thiền nhập định?

Sư mắng :

- Ta quở trách anh tham thiền chứ đâu có quở trách thiền định.



Lời góp ý:

Thiền định tự nó không sai, chỉ có người sử dụng nó sai mà thôi. Chỉ trích thiền định là hồ đồ và ấu trĩ, vì thiền định có cái dụng của nó nếu như sử dụng đúng thời, đúng chỗ, đúng căn cơ và đúng “pháp vị” của nó.

Có người nghe các Thiền Sư nói: “ngồi thiền không thành Phật”, “chỉ lấy đá đè cỏ”, “mài gạch thành gương”,... rồi thẳng tay tống khứ thiền định ra khỏi thành trì tu tập! Nếu chấp thiền định làm cứu cánh thì quả là không thể thành Phật, cao lắm chỉ đến Sắc Giới, Vô Sắc Giới mà thôi. Nhưng thiền định được sử dụng thiện xảo lại là “năng sinh tuệ” và giải thoát ra được biết bao phiền não giữa cõi trần.

Sư quở trách một thiền sinh vì anh ta quá ham mê thiền định đến nỗi bỏ quên đời sống thực mà đáng lẽ anh ta phải thâm quán từng giây từng phút. Thiền định như thế chỉ tự cô lập, giam hãm, ràng buộc mình và tách mình ra khỏi dòng biến hóa của pháp giới tánh (Sabhàva - dhammatà).

Một hôm Đức Phật lấy một sợi râu hạt lúa mì cầm lên và nói: “Này các Thầy tỳ kheo, nếu như cầm không đúng hướng thì sợi râu này sẽ không đâm thủng ngón tay. Cũng vậy, pháp mà Như Lai tuyên thuyết, nếu như không hành đúng hướng, sẽ không đâm thủng vô minh ái dục”.

Đức Phật không hoàn toàn tán dương thiền định, cũng không hoàn toàn bác bỏ thiền định. Ngài dạy: “Như Lai chỉ tán dương thiền định nào đoạn giảm bất thiện pháp (5 triền cái) và tăng trưởng thiện pháp (5 thiền chi), chứ Như Lai không tán dương thiền định nào tăng trưởng bất thiện pháp và đoạn giảm thiện pháp”.

Bởi thế người xưa có lý khi nói:

Thật tế lý địa bất thọ nhất trần

Sự sự môn trung bất xả nhất pháp.

Cửa Trời rộng mở

27. CỬA TRỜI RỘNG MỞ

Chư Thiên cõi trời Đao Lợi nhìn xuống cõi trần thấy nhiều người đau khổ, động lòng từ liên bạch với vua trời Đế Thích:

- Tâu Bệ Hạ, xin Ngài rủ lòng từ bi mở cửa cho người trần được vào thiên giới, như thế mọi người mới được công bằng bình đẳng.

- Không được, nghiệp dĩ thế nào phải chịu như vậy mới gọi là công bằng.

Nhưng Chư Thiên cứ tâu mãi nên Vua Trời đành cho mở cửa.

Chẳng bao lâu Vua Trời phải triệu tập Chư Thiên để thành lập lực lượng phòng chống tệ nạn xã hội và soạn thảo bộ luật hình sự.



Lời góp ý:

“Trí không bi là trí thông minh điều xảo

Bi không trí là bi thương hảo thương quảng”

Thật vậy, nhiều người lầm tưởng tình thương dung tục được phóng đại thành lòng từ bi. Lòng từ bi và tình thương yêu chẳng có chút quan hệ nào với nhau cả, thậm chí đôi khi còn trái ngược với nhau nữa là khác.

Từ được chính thức định nghĩa là không sân, và bi là không hại. Một người trong tâm không một mảy may hờn giận oán thù và không một manh tâm ác ý làm hại bất cứ chúng sanh nào, người đó hẳn đã loại bỏ ra ngoài ý niệm thương tình về thương và ghét. Thương và ghét là tâm địa chúng sanh trong vòng bản ngã. Còn từ bi thật sự thì vô ngã, vô lượng và vô cùng.

Lòng từ bi thâm sâu, quảng đại mà dường như dừng dừng lợ lợ (Lão Tử: tình thâm nhược đàm), lắm khi còn có vẻ như tàn nhẫn, vô tâm và bất động, nhưng như thế mới thật là lòng từ bi vô hạn. Dường như tàn nhẫn vô tâm bởi vì như thế mới có thể sáng suốt nhìn thấy chúng sanh chịu nhân quả nghiệp báo rành rành mà tâm không hề dao động. Trắc ẩn xúc động chỉ có trong lòng những kẻ tình thương.

Vì vậy từ bi không phải là ra tay cứu vớt người ác vào thiên đàng. Đó là bi không trí. Từ bi của bậc trí là chỉ khai thị cho người ác biết rõ nguyên nhân đau khổ mà họ tự làm ra. Nhưng ngay cả việc khai thị cũng phải tùy căn duyên chứ không phải bất kỳ ai cũng khai thị được.

Dem người ác vào thiên đàng đó là tình thương dung tục của kẻ ngu, vì hậu quả tất nhiên là... thiên đàng dậy sóng. Thấy người ác gặt quả khổ mà không một chút động lòng thương cảm của kẻ tình thương đó mới là từ bi đầy trí tuệ, vì đã thấy rằng chính quả khổ dạy cho người ác biết sai lầm của mình nên không để tình cảm chủ quan xen vào can thiệp. Đó là một cách thể hiện lòng từ bi tự nhiên của pháp (Thiên Chúa giáo: Bác ái của Đức Chúa Trời).

*Đức Chúa nói :”**Hãy vác thập tự giá mà vào thiên đàng**”. Nghĩa là gánh chịu khổ đau chính là cách giải thoát ra khỏi khổ đau vậy.*

Nặng ký

28. NẶNG KÝ

Thấy một tín đồ thường đến chùa bố thí, cúng dường học hỏi giáo lý, tu tập thiền định rất siêng năng, Sư hỏi:

- Ông tinh tấn như vậy để cầu gì?

- Thưa Thầy, con muốn lập bồi công đức, cho đến khi phước huệ đầy đủ hầu có thể đắc thành chánh quả.

Sư nói:

- Nếu vậy lúc thành chánh quả chắc ông phải nặng ký lắm!



Lời góp ý:

Hướng tu hành chân chính không phải là cố gắng xây dựng cho mình thành một con người lý tưởng tài năng đức độ. Không phải bồi đắp từng chút công đức, sở tri và sở đắc cho đến khi hoàn thành “tác phẩm tuyệt đối cuối cùng”.

Chân, thiện, mỹ của tự tánh pháp (Sabhavādharmatā) vốn đã tự viên mãn (Tổ Huệ Năng: hà kỳ tự tánh bản tự cụ túc), chẳng phải tầm cầu (bất luận cầu chơn), chẳng cần thiết lập (chơn bất lập). Chỉ vì vọng khởi (vô minh ái dục) nên bản ngã sanh. Lấy bản ngã mà hoàn thiện con người lý tưởng, quả vị lý tưởng thì cũng hoàn là bản ngã. Đó chỉ là dục vọng của Tiểu ngã muốn trở thành Đại ngã của tư tưởng Bà La Môn.

Bản ngã cùng với tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến và tất cả thuộc tính khác của vô minh ái dục là nguyên nhân của tất cả luân hồi sinh tử, phiền não khổ đau. Đó là thế giới mộng ảo huyễn hóa. Vì vậy tu hành giống như tỉnh dậy giữa cơn ác mộng đêm trường, bỗng nhiên những vui buồn sợ hãi tiêu tan và cái chân như tự tánh (yathābhūta) hiển hiện toàn chân. Vì vậy Đức Phật dùng chữ “diệt” để diễn tả Diệt đế (chân tánh, Niết-bàn) khi Ngài dạy: “Pháp Như Lai tuyên thuyết chỉ có nhất hướng viên ly, ly tham, ly chấp, đoạn xả, đoạn diệt, tịch tịnh, thắng trí, giải thoát, Niết-bàn”.

Đoạn diệt là điều mà bản ngã úy kỵ, nên nhiều người khi nghe nói đến đoạn diệt thì vô cùng sợ hãi, vội vàng lên án là tiêu cực, tiểu thừa. Nhưng tựu trung đoạn diệt chỉ là đoạn diệt chấp ngã chấp pháp cùng với thuộc tính vô minh ái dục của nó mà thôi. Ví như người nhìn lầm bụi cây là bóng ma sinh tâm sợ hãi. Khi nhìn kỹ thấy đó chỉ là bụi cây thì cả bóng ma lẫn sợ hãi đều viên ly, đoạn diệt. Kinh Viên Giác nói: “Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác”, và Lão Tử cũng nói: “Vi đạo nhật tồn, tồn chi hựu tồn dĩ chí ư vô vi” (hành đạo ngày càng bớt, bớt rồi bớt nữa cho đến vô vi).

Vậy tu hành không phải là bồi thêm cái ngã cho nặng ký mà chính là bớt đi (ly, tồn, đoạn, diệt) tất cả mọi ràng buộc của vọng ngã để trở lại bản lai diện mục xưa nay vốn đã tròn đầy.

Con người thật

29. CON NGƯỜI THẬT

Có ông tăng thuyết pháp rất lưu loát nhưng giới hạnh rất bê bối. Những người nghe pháp thì rất nể trọng pháp sư còn những người thấy đời sống của ông thì không thể nào chịu phục.

Được hỏi về con người thật của vị pháp sư, thiền sư nói:

- Con người thật nhập Niết bàn rồi.



Lời góp ý:

Khi còn vô minh ái dục thì mỗi người đều có hai bộ mặt, đó là con người thật và con người giả. Con người giả chính là vọng ngã, thủ đắc bởi những yếu tố ngoại lai như ý niệm, tư tưởng, quan niệm, tình cảm từ môi trường sống: hoàn cảnh xã hội, trường học, gia đình, bè bạn,... Những tập tính hay tập khí đó được huấn tập dần dần cho đến khi mình trở thành... một kẻ lạ mặt (từ của Albert Camus), càng ngày càng xa rời tự tánh, càng xa lạ với con người thật.

Con người giả cũng không phải đơn thuần, anh ta vô cùng đa diện: khi thì anh, khi thì em, khi thì cha, khi thì chú, khi vui lúc giận chẳng chút giống nhau. Vì vậy anh ta luôn luôn tự mâu thuẫn với chính mình cả tri thức lẫn tình cảm, cả hành động lẫn lý thuyết. Vì vậy chẳng có gì ngạc nhiên khi anh ta nói một đường làm một nẻo. Thực ra ai mà chẳng thế khi mình còn đa mang những con người xa lạ.

Còn con người thật ở đâu? Sư nói: “Con người thật nhập Niết bàn rồi”. Câu này hàm ý hai nghĩa:

1) Con người thật đã (bị con người giả giết) chết rồi. Ý nói anh ta chỉ là con người giả chứ làm gì còn có con người thật.

2) Con người đích thực chính là bản lai diện mục, chân như tự tánh, mà chân như tự tánh thì lúc nào lại chẳng ở nơi Niết bàn.

Vô thường

30. VÔ THƯỜNG

Một chú tiểu đang tưới phong lan, có người khách hỏi:

- Chú đã biết đời là vô thường sao còn trồng làm gì thứ vô thường tạm bợ ấy?

Chú tiểu nói:

- Nhưng nếu chúng mà thường thì tôi còn trồng làm gì nữa?



Lời góp ý:

Khi nghe Đức Phật dạy “Sabbe Sankhàra aniccà’ti” (tất cả hữu vi là vô thường), người ta nghĩ rằng một khi mọi hiện tượng đều biến đổi không ngừng thì cần phải dẹp bỏ hết đi để tìm cái gì thường còn bất biến. Đó là một hiểu lầm to lớn. Thấy vô thường chính là để đừng rơi vào ảo tưởng thường còn. Ví dụ khi ta thấy đúng thực chất một đóa hoa có nở có tàn thì ta không còn bị ảo tưởng của dục vọng ước mong đóa hoa còn mãi để rồi rước lấy thất vọng khổ sầu. Cái khổ phát xuất từ nguyên nhân thấy sai chứ không phải ở bản chất vô thường của hữu vi pháp.

Lại nữa, thật ra “hữu vi pháp” hoặc “các hành” ám chỉ tâm sinh diệt của chúng sanh hơn là các ngoại tướng (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Chính tâm sinh diệt này tác thành bản ngã, tư tưởng, không gian, thời gian và đau khổ. Cũng vậy, khi nói “vô vi, vô sinh diệt” là nói tâm không đông, không trôi chuyển hoặc tâm không sinh ngã pháp, chứ không phải là thường tồn vĩnh cửu.

Vì ngộ nhận tai hại như thế nên người ta toan là bỏ thế gian vô thường tạm bợ để đi tìm thế giới thường hằng vĩnh cửu. Đó là “hướng ngoại cầu huyền” nên Ngài Huệ Năng một phen phải xác định:

“Phật Pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác,

Ly thế mịch bồ đề

Cáp như tầm thổ giác”.

Người giác ngộ được bản chất vô thường của hữu vi pháp, có thể ung dung chơi trò chơi “như huyễn hạnh” để chỉ cho kẻ mê thấy đời là hư huyễn.

Phân tâm nhị dụng

31. PHÂN TÂM NHỊ DỤNG

Sư đến viếng một nhà Phật tử, thấy bà chủ nhà vừa thờ Phật vừa thờ Thần Tài, Sư hỏi:

- Bà thờ Thần Tài để làm gì?
- Dạ, để cầu tài.
- Thế còn thờ Phật?
- Dạ, để cầu giải thoát.

Sư nói:

- Bà quả là có tài phân tâm nhị dụng.



Lời góp ý:

Kẻ mê tham lam bắt cả hai tay, vừa muốn ôm đồm, vừa cầu giải thoát. Đã khởi tâm cầu sở đắc thì tất nhiên tự mình phân hóa nhị nguyên. Như trong câu Pháp Cú Đức Phật đã dạy: “Kẻ ngu đi tìm sở đắc chỉ để chẻ đầu ra làm hai”.

Người bố thí để cầu giàu sang thì sao còn gọi là bố thí, kẻ xả lợi để mua danh thì sao còn gọi là xả lợi? Cũng vậy, kẻ muốn giác ngộ giải thoát lại cầu tri thức và sở đắc thì muôn đời vẫn nằm trong vòng luân quần buộc ràng.

Tuy nhiên, khi đã dứt mê tuyệt ái thì trong một pháp tự nọ lại có đủ mọi thứ mà không hề mâu thuẫn. đúng là “Nhất Phật quốc tại nhất sa trung” mà người mê không thể nào thấy được. Vọng cầu thì “pháp pháp tương loạn”, hết mê thì “pháp pháp tự tức”, và những pháp tương khắc tương sinh trở nên hài hòa bất nhị.

Lão Tử nói: “Bậc Thánh nhân biết dùng vô vi mà xử sự thì thấy có - không cùng sanh, khó - dễ cùng thành, dài - ngắn cùng so, cao - thấp cùng chiều, giọng - tiếng cùng họa, trước - sau cùng theo” mà chẳng hề chống trái.

Tiếc thay, kẻ mê cứ phân tâm đuối bắt hai chiều để đánh mất thực tại hiện tiền vốn còn nguyên vẹn.

Ba vị thần

32. BA VỊ THẦN

Thần Sáng Tạo, Thần Bảo Trì và Thần Hủy Diệt là ba vị thần nắm giữ vận mạng muôn loài.

Vào một thời cảnh chiến tranh, thiên tai, bệnh tật phát sinh ra nhiều khiến chúng sinh chết chóc, cảnh vật tiêu điều... Vì vậy chúng sinh than oán Thần Hủy Diệt.

Thần Hủy Diệt thấy vậy nói với hai vị kia:

- Chúng sanh than oán tôi, hơn nữa tôi làm việc cũng đã mệt, nhị vị để tôi ngủ một lát.

Nhưng chưa được bao lâu Thần Hủy Diệt lại bị đánh thức và nghe Thần Sáng Tạo hốt hải nói:

- Bây giờ dưới trần lại quay qua than oán tôi, vì không những nạn nhân mãn tràn lan mà tất cả mọi vật đều sinh sôi nảy nở chật ních không còn chỗ nào để thở...

Thần Hủy Diệt ngái ngủ nói:

- Thì anh ngưng sáng tạo đi là xong chứ gọi tôi làm gì !

Trong khi nguy kịch, Thần Sáng Tạo vội vàng ngưng việc. Thế là lập tức dưới trần tất cả đều trở nên im lìm bất động. Đó là hậu quả tài năng đơn phương của Thần Bảo Trì mà người trần thường hay mên chuộng!



Lời góp ý:

Tôn giáo ẩn độ thời xa xưa đã thần hóa tính chất biến dịch SINH - TRỤ - DIỆT của vũ trụ vạn vật thành ba vị Thần: SÁNG TẠO, BẢO TRÌ và HỦY DIỆT.

Sinh - Trụ - Diệt là định luật vô thường của sự sống, không mấy ai ưa già - bệnh - chết, nên cũng chẳng bao người thích sự diệt vong.

Nhưng nếu vạn vật có sinh mà không diệt thì chẳng bao lâu vũ trụ bao la cũng khó tìm chỗ cắm dùi ! Hoặc nếu vạn vật có diệt mà không sinh thì không gian vô tận cũng là hư vô trống rỗng. Còn nếu vạn vật không sinh thêm, chẳng diệt bớt thì sao? Thì chắc chắn vạn vật sẽ trở nên ù lì, bất động, tuy được bảo trì nguyên vẹn, trường tồn vĩnh cửu, nhưng liệu có còn là lý tưởng ước mơ của mọi người nữa không, hay cõi vĩnh hằng chỉ là nghĩa trang đời đời khô chết?

Vô thường sinh diệt không phải là một kết luận bi quan, mà chính là vẻ đẹp vĩnh hằng của sự sống. Sinh trụ là thành tố của sự sống mà hoại diệt cũng là thành tố của sự sống. Sự sống chẳng THƯỜNG vì nó “sinh sinh nhi họa”, sự sống không ĐOẠN vì nó “miên miên nhược tồn”. Chính vì không thấy thực tánh “vô thường thị thường” mà sinh tâm chấp thường chấp đoạn.

Mê chấp thế giới thường còn để rồi đắm trong sinh diệt!

Chối từ trần gian tạm bợ cho nên vọng đến vĩnh hằng!

Bảo vệ Đạo pháp

33. BẢO VỆ ĐẠO PHÁP

Một thanh niên mới xin xuất gia vào thiền viện đã tỏ vẻ rất nhiệt tình... Thấy vậy, Sư hỏi:

- Chí nguyện xuất gia của anh là gì?

Thanh niên nói:

- Con muốn trở thành một người bảo vệ đạo pháp.

Sư nhìn người thanh niên từ đầu đến chân mà nói:

- Có lẽ anh nên để đạo pháp bảo vệ anh thì hơn.



Lời góp ý:

Khi nói đến bảo vệ Đạo Pháp, nhiều người lầm lẫn một bên là bảo vệ hệ thống Giáo Hội hoặc tông phái, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, bảo vệ truyền thống lễ nghi, kinh điển, giáo điều, đền chùa hoặc các biểu tượng đạo giáo v.v..., và một bên là lấy việc học đạo, hành trì, tu chứng và hoằng dương chánh pháp để giữ gìn chân lý.

Thực ra chân lý hay Đạo Pháp không cần phải giữ gìn bảo vệ, vì chân lý dù cho có bị nhận xuống bùn thì vẫn là chân lý, còn tà đạo dù có được tâng bốc tận mây xanh cũng vẫn là tà đạo.

Ngược lại, chân lý bảo vệ chúng ta hơn là chúng ta bảo vệ chân lý. Vì thế, Đức Phật dạy: “Thật vậy, Pháp hộ trì cho người hành trì Pháp” (Dhammo have rakkhati Dhammacàri). Người hành bốn Thắng Xứ mới xứng đáng là người bảo vệ Đạo Pháp:

1) Tuệ thắng xứ (Pannadhitthàna): trí tuệ (bát nhã) thắng tri pháp đúng thực tướng (vô ngã), không bị khổ lạc chi phối, không rơi vào hữu vô, không chấp thủ thường đoạn, diệt tận khổ ưu, thành tựu thánh trí, chứng ngộ Niết Bàn.

2) Đề thắng xứ (Sacc'ādhitthàna): không dao động, không điên đảo, không hư vọng, chân thực kiên cố, vô thượng an ổn Niết Bàn.

3) Xả ly thắng xứ (Cag'ādhitthàna): buông bỏ tất cả chấp y: bản ngã, ngũ uẩn, trạng thái, cõi giới,... kể cả chấp y Niết Bàn.

4) Tịch tịnh thắng xứ (Upasam'ādhitthàna): đoạn tận tham, sân, si,... cùng với tất cả các triền phược, kiết sử, tùy miên v.v..., tịch diệt hiện tiền, tự tại vô ngại.

Người như thế còn được Đạo Pháp bảo vệ, huống chi kẻ phạm phu mà có thể bảo vệ Đạo Pháp.

Triết học là gì

34. TRIẾT HỌC LÀ GÌ

Để mở mang kiến thức ngoại điển, Sư cho tăng chúng học thêm triết học Đông Tây.

Sau nhiều giờ học, một chú tiểu hớn hờ nói với bạn:

- Đến nay, tôi đã hiểu triết học là gì rồi.

Chú tiểu kia thì đang mù tịt cái môn phiền phức này nên như người chìm vớ được phao:

- Nói nghe mau đi, triết học là gì vậy?

-Ồi, có gì đâu! Triết học chỉ là một hệ thống ngôn ngữ phức tạp nói về những điều giản đơn đó mà!



Lời góp ý:

Triết học chỉ là hệ thống ngôn ngữ phức tạp, mang tính tri thức bác học, còn Đạo thì giản dị vô ngôn, vì thế mà “có giản dị thì mới thấy được chân lý của trời đất” (Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hỷ). Triết học lấy lý trí để nắm bắt, còn Đạo lấy “vô tri” mà thể nhập. Đạo dễ mà sống chứ không phải để thức tri. Trí tuệ minh bạch chính là vô tri, bởi vì còn có một chút “lập tri” của kiến thức là mây mù vô minh che phủ. Vì thế khi phải phương tiện dùng ngôn ngữ làm ngón tay chỉ mặt trăng, Đức Phật không dùng hệ thống ngôn ngữ bác học phức tạp Sanskrit của Bà La Môn, mà dùng ngôn ngữ Pàli giản dị bình dân của người Māgadhā. Còn Lão Tử thì nói: “Sáng suốt mọi bề có thể vô tri được chăng?” (Minh bạch tứ đạt năng vô tri hồ), hoặc “biết dừng lại ở chỗ không biết là tới rồi vậy” (cố tri chi kỳ sở bất tri chi hỷ). Thế thì một thiền sư cũng có lý khi nói: “Chân lý mà đem ra quy định quả là việc làm của kẻ ngốc nghếch”.

Nghiệp còn nặng

35. NGHIỆP CÒN NẶNG

Thấy một bà tín nữ đem một lồng chim tới chùa, chú tiểu mừng rỡ nói:

- Để tôi phóng sinh cho.

Bà tín nữ giải thích là bà không có ý định phóng sinh tại thiền viện, bà chỉ gởi lại nhờ chú tiểu giữ để ngày mai đem xuống chùa dưới phóng phóng sinh trong dịp lễ ở đó.

Chú tiểu cười ngất than thầm: “*Đem chim rừng về lại phố, lại để đến ngày mai đi thêm cả buổi đường nữa, chắc nghiệp bầy chim này còn nặng!*”



Lời góp ý:

Những người không thấy Đạo, dù có tu hành “vị tha” cách mấy cũng chỉ làm khổ thiên hạ. Nếu phóng sinh để đổi lấy lợi, lấy danh, lấy quả báu vị lai thì đâu phải là vị tha mà chỉ là vị kỷ, không những không phước mà còn thêm tội.

Phóng sinh là một hành động đúng đắn tự nhiên khi người ta biết tôn trọng sự sống, chứ không phải đem sinh mạng của chúng sanh làm vật bán buôn danh lợi.

Người không có vô minh ái dục tự nhiên có trí tuệ, có trí tuệ tự nhiên có từ bi, có từ bi đương nhiên thấy chúng sanh bị nạn thì cứu v.v... Việc làm đó không hề có bóng dáng của bản ngã làm gì có ích kỷ với vị tha.

Mặc Tử nguyện mài mình từ đầu đến chân để lợi thiên hạ, chính vì lòng kiên ái.

Dương Tử thế dù chỉ mất một sợi lông mà lợi thiên hạ cũng không làm, đâu phải vì ích kỷ mà chỉ sợ người đời ham lợi khổ thân.

Vậy trên đời dễ mấy ai biết thế nào là vị tha, thế nào là ích kỷ.

Hãy để yên

36. HÃY ĐỂ YÊN

Một giáo sư triết học muốn biết Đạo Phật chủ trương “Thường tại luận” hay “Vô thường luận”.

Sư nói:

- Đó là những hý luận tà kiến.

Giáo sư ngạc nhiên:

- Như vậy Đạo Phật chủ trương luận nào?

Sư đáp:

- Chân lý nằm ngoài chủ trương và lý luận, cho nên Đạo Phật không chủ trương luận nào cả. Cái gì vô thường hãy để yên cho nó vô thường, cái gì thường tại hãy để yên cho nó thường tại.



Lời góp ý:

Các triết gia, các nhà tư tưởng toan nắm bắt chân lý bằng những kết luận vu vơ phiến diện của mình, rồi gán lên cho nó đủ thứ nhãn hiệu: đoạn - thường, hữu - vô, nhất - dị,..., tưởng rằng có thể nhốt chân lý trong cái lồng quan niệm vàng son của mình, chẳng ngờ, chính quan niệm nhốt họ vào ngục tù, còn chân lý thì muôn đời vẫn ung dung tự tại.

Thường - đoạn, có - không, tăng - giảm, nhất - dị v.v... đều đúng cả vì pháp chẳng thiếu một phương diện nào, nhưng cũng đều sai cả khi ta chỉ toan kết luận một chiều. Cho nên, trong Kinh Brahmajàla, Đức Phật gọi sáu mươi hai quan niệm của Triết học ẩn độ thời bấy giờ là hý luận tà kiến.

Như những người mù sờ voi, vì không thấy toàn diện, nên sờ đụng phần nào liền kết luận voi là phần đó.

Muốn thấy chân lý một cách trọn vẹn chỉ cần biết lặng lẽ chiêm quan, hồn nhiên cảm nghiệm, hay nói một cách khác là phải biết... chính mình là chân - lý - không - hai.

Đứng ngoài mà kết luận thị phi, rồi bỏ đoạn lấy thường, chê tướng chọn tánh, xả hữu chấp vô v.v..., không những là thái độ lãng mạ Pháp, mà còn tự chìm sâu trong luân hồi sinh tử. Sao không bỏ cái ngã mình đi để cho chân lý được yên thân như nó đang là, như chân như thật?

-ooOoo-

37 - 48

Sinh lão bệnh tử

37. SINH LÃO BỆNH TỬ

Sau nhiều năm tinh tấn tu hành, một vị tăng vẫn không sao đạt được mục đích mà ông hướng đến là thoát ly sinh, già, đau, chết. Đang lúc buồn nản thì Sư đến thăm. Vị tăng hỏi:

- Làm sao thoát khỏi sinh - lão - bệnh - tử?

Sư than:

- Chỉ tội cho Sinh - Lão - Bệnh - Tử thoát không khỏi ông!



Lời góp ý:

Có hai loại sinh - lão - bệnh - tử nơi mỗi người:

1) Của thế giới tự nhiên tâm - sinh - vật lý.

2) Của thế giới ảo tưởng ngã kiến vọng chấp.

Tâm - sinh - vật lý là diễn biến tự nhiên của sự sống:

- Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thuộc về sinh lý.

- Sắc, thanh, hương, vị, xúc thuộc về vật lý.

- Ý và pháp thuộc về tâm lý.

Ba yếu tố này tương quan, tương duyên, tương dung, tương tác, tương sinh, tương khắc mà hợp thành cái gọi là “con người” có sinh, có già, có bệnh, có chết, có khổ, có lạc, có xả một cách tự nhiên, vô tư, vô ngã.

Nhưng khi sự tương - quan - vận - hành - tâm - sinh - vật lý này bị nhìn qua ảo tưởng vọng thức (Tập đế) thì liền trở thành bản ngã cùng với sự xuất hiện của ảo giác thời gian và đau khổ (Khổ đế). Bấy giờ không phải là sinh - lão - bệnh - tử tự nhiên nữa mà là luân hồi sinh tử của bản ngã vọng chấp.

Ngược lại, khi sự tương - quan - vận - hành - tâm - sinh - vật lý này được trí tuệ soi chiếu (Đạo đế) thì không còn ảo tưởng vọng thức, không còn ảo giác thời gian và đau khổ, nghĩa là toàn bộ luân hồi sinh tử của bản ngã chấm dứt (Diệt đế). Ngay khi đó, thế giới tự nhiên tâm - sinh - vật lý được trả về đúng với bản chất nguyên thủy của nó: Sinh - Lão - Bệnh - Tử “hiện toàn chân” như thị như thực (yathàtathatà), chẳng cần thêm bớt.

Người mê không lo giải thoát khỏi sinh - lão - bệnh - tử của ngã kiến vọng chấp, lại cứ lo can thiệp vào bản chất sinh - lão - bệnh - tử tự nhiên tâm - sinh - vật lý. Ví như người quáng mắt tưởng sợi giây là con rắn rồi cứ nhè sợi giây mà đánh, chỉ tội cho sợi giây bị đòn oan trong khi con rắn ảo thì muôn đời vẫn là nỗi ám ảnh khôn nguôi!

Sắc không

38. SẮC KHÔNG

Sư ghé thăm một vị tăng nổi tiếng uyên thâm Phật Pháp và có nhiều sở đắc. Vừa thấy Sư, vị tăng dùng phép thần thông ẩn mình đâu mất.

Sư hỏi:

- Ông làm gì vậy?

Vị tăng nói:

- Đó là “*sắc tức thị không*”.

Sư nói:

- Đã “*sắc tức thị không*” sao ông lại phải biến mất làm gì. Hơn nữa ông chỉ mới giấu được cái sắc thân, còn cái bản ngã của ông xem ra lại càng lộ rõ hơn!

Vị tăng cả giận hỏi lại:

- Còn Thầy thì sao?

Sư đáp:

- Người không thấy ta “*sắc bất dị không*” hay sao?

Lời góp ý:

SẮC KHÔNG là vấn đề được bàn cãi hàng ngàn năm vẫn chưa ngã ngũ. Và tiếc thay nó đã trở thành một triết lý đầu môi! Tất nhiên là vậy, vì đây đâu phải là VẤN ĐỀ để lý luận, mà chính là SỰ KIẾN thân chứng (kàyasakkhi) hoặc thấy bằng con mắt tuệ (pannacakkhunà passati).

SẮC không phải là SẮC TƯỢNG - đối tượng của nhãn căn, không phải là SẮC THÂN - bao gồm tứ đại, không phải là SẮC PHÁP - đối nghĩa với Danh pháp.

SẮC dùng trong ngũ uẩn là sự tập khởi của một diễn trình tương duyên, tương tác và tương ứng giữa sáu căn, sáu trần và sáu thức (mười tám giới). Vậy SẮC không phải là một hiện hữu cố định hay có sẵn, mà là một phản ứng có điều kiện. Ngay khi ta đang ngồi đây, SẮC có thể có, có thể không tùy theo điều kiện tập khởi.

Nhưng SẮC có hay không chẳng có gì quan trọng, có cũng được mà không cũng được. Quan trọng là ở chỗ CÁI NHÌN. Nếu cái nhìn là ảo tưởng vọng thức (Vipallatthasanna) thì có - không đều là ảo ảnh (màyà), như người nằm mộng, thấy có thấy không đều là mộng.

Nếu cái nhìn là Tuệ Không Quán Chiếu (Sunnanupassananana) thì có - không đều như thị. Không - có chẳng rời, có - không chẳng khác.

Trong mộng có - không đều ảo mộng

Tỉnh ra không - có cũng hoàn không

Mặc ai có có không không đó

Lặng lẽ hồn nhiên một nụ cười.

Không có ai cả

39. KHÔNG CÓ AI CẢ

Sư đang quét sân, thiền sinh hỏi:

- Thế nào là thiền?

Sư nói:

- Quét sân, quét sân...

Thiền sinh thắc mắc:

- Vậy ai quét sân cũng là thiền sư sao?

Sư nói:

- Không có ai quét sân cả.



Lời góp ý:

Thế nào là thiền?

Ngay khi “lý trí muốn biết” lang thang dong ruổi tìm đạo tìm thiền, thì than ôi, thiền đã xa xôi ngàn dặm ra đi!

Thấy thế, Sư vội đánh thức gã “túy sinh” trở về thực tại. Nhưng ngay nơi thực tại hắn lại toan đội lốt mọc sừng”.

Một lần nữa, Sư lại ra tay lột mặt nạ cái gã “mộng du” bép xép. Chẳng biết gã có thấy ra được “mặt mũi xưa nay” của mình không?

Ra đi khắp bốn phương trời

Tìm ai mỗi gót muôn đời còn xa

Ta về gặp lại tình ta

Dấu chân viễn mộng chỉ là phù vân.

Xin hoãn lại

40. XIN HOÃN LẠI

Một tục gia đệ tử đến bái yết Sư, muốn biết anh ta tu bao lâu nữa mới đạt đến Niết Bàn.

Sư nói:

- Còn lâu lắm.

Nghe vậy, người đệ tử vô cùng chán nản.

Nhưng Sư lại nói tiếp:

- Thôi được, ta có pháp môn này có thể đạt đến Niết Bàn ngay, để ta dạy cho ngươi.

Bấy giờ người đệ tử bối rối thưa:

- Thưa Thầy, chưa được, để hoãn hoãn cho con thu xếp việc nhà đã.



Lời góp ý:

Phần lớn người tu ai cũng nói đến mục đích giác ngộ giải thoát: viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Nhưng trên thực tế, người ta lại cố tình trì hoãn.

Người ta viện đủ lý do chính đáng, những lý do trì hoãn cực kỳ thiện xảo tinh vi, những nhãn hiệu sơn son thếp vàng lộng lẫy: nào hạnh nguyện vị tha, nào vào ra sinh tử độ tận chúng sanh, nào dần thân nhập thế cư trần bất nhiễm..., thế là đã có chỗ ẩn náu an toàn cho bản ngã ung dung làm trò múa rối!

Những bậc Đại Bồ Tát nghe chúng sanh viện lẽ cũng phải cười dài, tội nghiệp cho chúng sanh mê muội cứ tưởng giác ngộ giải thoát là chẳng còn gì tất, nên nấn ná đầu sào trăm trượng chẳng dám nhảy bước cuối cùng, đâu hay chính lúc đó “thập phương thế giới hiện toàn chân”.

Như xưa có một vị hoàng tử từ nhỏ bị lạc vào rừng. Từ trưởng bộ lạc thấy dễ thương đem về cho chơi với bọn trẻ. Để hoàng tử khỏi buồn, Từ trưởng bày trò chơi “vua tôi” cho bọn chúng và bảo hoàng tử làm vua, bọn trẻ con bộ lạc làm thần dân, suốt ngày vui chơi thỏa thích, quên cả nhớ nhà. Một hôm, vua cha sắp băng hà, sai các vị đại thần đi tìm hoàng tử về nối ngôi. Khi tìm được hoàng tử, các đại thần khẩn khoản cầu xin hoàng tử hồi cung đăng quang kế vị. Hoàng tử nghĩ: “Bây giờ ta đã làm vua rồi còn về cung làm gì nữa, biết có hơn gì không?” Thế là hoàng tử viện có trí hoãn chẳng chịu trở về, say mê chơi trò con nít !!!

Ham chơi trò con nít

Ôi lộng giả thành chơn

Biết bao giờ tỉnh ngộ

Nhìn thấy tận nguồn con.

Vĩnh cửu

41. VĨNH CỬU

Một đạo sĩ du già tin rằng một ngày kia, sau khi đã dày công khổ luyện, ông sẽ thoát khỏi thế giới huyễn hóa (mâyà) này để đạt đến một cõi vĩnh hằng, ở đó, con người mãi mãi trường sinh bất tử. Đạo sĩ trình bày với Sư quan điểm đó để xem Đạo Phật lý giải thế nào. ông hỏi:

- Đạo Phật có tin một thế giới vĩnh cửu không?

Sư chỉ một giọt sương trên đóa hoa phù dung vừa mới nở, nói:

- Có, đây chính là thế giới vĩnh cửu.

Đạo sĩ ngạc nhiên:

- Đức Phật cũng nói “*các pháp hữu vi là vô thường*” kia mà?

Sư nói:

- Thế ông tưởng cái gì lâu dài mới vĩnh cửu sao?



Lời góp ý:

Nghe Lão Tử nói đến đạo thường, các đạo gia liền mơ tìm cõi đào nguyên trường sinh bất tử. Nghe Phật nói Pháp tướng vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh thì lý trí liền vẽ ra một thể tánh thường - lạc - ngã - tịnh làm mục đích trốn chạy cõi vô thường, để rồi người ta đổ xô đi tìm... viển mông!

Lầm lẫn đáng thương nhất trên đời là đồng hóa vĩnh cửu với thời gian. Vĩnh cửu không hề đối nghịch với vô thường. Vĩnh cửu mà tìm ngoài vô thường, cũng như pháp tánh mà tìm ngoài pháp tướng thì chỉ gặp lông rùa sừng thỏ, uống công dã tràng xe cát!

Còn bản ngã thì còn ý niệm, còn ý niệm thì còn thời gian, còn thời gian thì chẳng bao giờ thấy được vĩnh cửu! Nhưng ngay khi bản ngã, ý niệm và thời gian chấm dứt thì liền thấy vĩnh cửu đang du hí thần thông trong trò chơi ảo hóa vô thường.

Vĩnh cửu mong tìm mà chẳng được

Vô thường muốn bỏ lại cưu mang

Mai sau nhắn với hàng con cháu

Chớ mất công toi chuyện đã tràng!

Xuất môn

42. XUẤT MÔN

Một chú tiểu đang say mê nghiên cứu cuốn “*Diệu Pháp Nhập Môn*”, thỉnh thoảng đặc ý nói một mình: “Thật là tuyệt diệu! Thật là tuyệt diệu!”

Sư đi ngang qua nói:

- Người đọc xong cuốn đó ta sẽ cho học “*Diệu Pháp Xuất Môn*”.
- Bạch Thầy, nhập được môn này con thấy kỳ diệu quá sao lại xuất môn?

Sư nói:

- Bởi vậy người ta mới nói nhập môn đã là kỳ diệu mà xuất môn lại càng kỳ diệu hơn.



Lời góp ý:

Xưa có hai cha con ông bá hộ, vì chiến tranh loạn lạc phải bỏ nhà ra đi tha phương cầu thực. đến lúc thái bình thì người cha đã già yếu sắp lìa bỏ cõi trần. ông bá hộ bèn viết chúc thư giao lại tòa lâu đài của ông tại quê nhà cho con. Trong chúc thư ông tả rõ đường về quê cũ, dáng dấp ngôi nhà và từng công dụng chi tiết của những vật báu bên trong.

Người con hằng ngày cứ ngồi đọc chúc thư với lòng tự hào hãnh diện rằng mình là chủ nhân của một tòa lâu đài tráng lệ. Càng đọc, anh càng say mê với sự kỳ diệu của những vật báu trong kho tàng vô giá.

Có người thấy thế hỏi: “Kho tàng quý giá của anh hiện giờ ở đâu?” Anh tự hào chỉ chúc thư và nói: “Thì đây chứ còn đâu nữa!”

Diệu Pháp (Abhidhamma) là một trong ba tạng giáo điển của nhà Phật. Diệu Pháp cũng chính là đệ Nhất Nghĩa đế (chân lý rốt ráo - paramatthasacca). Như vậy, Diệu Pháp vừa có nghĩa là ngôn ngữ chỉ bày thực tại, vừa có nghĩa là chính tự thân thực tại. Nhưng khi một người còn say mê với ngôn ngữ kỳ diệu nói về thực tại thì có nghĩa là anh ta chưa hề thấy thực tại kỳ diệu bao giờ.

Mau mau thoát khỏi rừng kinh điển
Mở mắt mà xem chuyện gì đây
Chớ luận Tam Hoàng rồi Ngũ đế
Cũng đừng nằm mộng giữa ban ngày.

Thánh không biết đau

43. THÁNH KHÔNG BIẾT ĐAU

Thị giả của Sư nghe người ta kể rằng chủ nhà của hiền triết Epitète đối xử với ông rất tệ. Người chủ cho vận chân Építète để tiêu khiển. Nhà hiền triết nói:

- Nếu ngài tiếp tục thì chân tôi sẽ gãy.

Nhưng người chủ vẫn tiếp tục và chân ông gãy thật. Epitète ôn tồn nói:

- Đấy, tôi nói có sai đâu.

Nghe xong, thị giả cứ khen hoài: “Thật là một nhà hiền triết siêu việt!” Rồi thị giả chợt nghĩ rằng: “Thầy mình là một thiền sư nổi tiếng, vậy để xem có bằng Építète không?” Nhân Sư đang nằm nghỉ, thị giả tùm lấy chân Sư vận mạnh. Sư nói:

- Đau, đau.

Thị giả thất vọng nói:

- Còn đau thì đâu phải là đạt đạo!

Sư nói:

- Chứ người muốn ta đạt cái đạo vô cảm giác hay sao?

Lời góp ý:

Đạt đạo không phải là luyện thành mình đồng da sắt, mà đơn giản chỉ là đau thấy đau, lạnh thấy lạnh, trong sáng bình thường chẳng cần thêm bớt. Nhưng phần lớn người tu không chịu nổi “bình thường tâm thị đạo” nên tự đặt cho mình những lý tưởng phi thường, những sở đắc siêu nhiên.

Nhưng sở đắc chỉ là con đề của vô minh ái dục, dù sở đắc có vĩ đại cách mấy cũng chỉ là ảo mộng.

Khí công thượng thừa, định lực kiên cố, pháp thuật cao cường, thần thông quảng đại, v.v... là những mục đích hấp dẫn của người tu luyện. Thế là trần gian trở thành một... trường đua vĩ đại!

Càng đấu tranh, càng tiến bộ, càng đạt nhiều thành quả, càng bước lên địa vị cao siêu thì lại càng xa đạo. Vì sao vậy? Vì đó chỉ là con đường bành trướng của bản ngã mộng mơ.

Tu là bỏ. Bỏ là không chấp trước, chứ không phải lấy - bỏ theo nghĩa thường tình. đạt đạo là bỏ hết, chẳng những không còn một chút ảo tưởng mộng mơ, mà ngay cả Niết Bàn cũng không chấp trước (Nibbānam n’abhinandati - Kinh Căn Bản Pháp Môn, Trung Bộ Kinh). Chư Phật và A La Hán không phải là địa vị sở đắc như người ta lầm tưởng, mà chính là dẹp hết chẳng còn SỞ gì để đắc, phá hết chẳng còn ĐỊA nào để đứng.

Khi nghe nói vậy, chúng sanh sợ khiếp, bèn vội vàng lập địa vị để tu, bày sở cầu để chứng. Không biết rằng: “Hà kỳ tự tánh bản tự cụ túc”, chẳng luyện, chẳng đắc, chẳng cầu, chẳng chứng.

Trong ngoài lặng lẽ chẳng vin đâu

Sáng suốt hồn nhiên khỏi vọng cầu

Buông hết một phen đừng luyện tiếc

Ai hay ngay đó thấy đạo màu.

Làm chủ

44. LÀM CHỦ

Chủ nhân một xí nghiệp lớn nợ xin vào thiền viện cư thất một tháng. Ông rất tinh tấn nên ai cũng nghĩ là ông sẽ thành công như ông đã thành công trong việc điều hành xí nghiệp.

Nhưng khi ra thất, ông bạch với Sư:

- Con đã cố gắng, nhưng sao chưa làm chủ được mình?

Sư nói:

- Tại ông đã quen cái nghề làm ông chủ mất rồi!



Lời góp ý:

Nguyên nhân gây ra ba cõi không yên như ngôi nhà cháy chính là bản ngã, đứa con cưng của vô minh ái dục. Vậy mà người tu cứ bắt mãi với bản ngã này, rồi dựng lên bản ngã khác cao thượng hơn, hoàn hảo hơn,..., rồi lại bắt mãi, rồi lại dựng lên..., cứ thế mà luân hồi sinh tử, trôi lăn ba cõi sáu đường.

Bản ngã nhỏ (tiểu ngã) thì khổ nhỏ, bản ngã lớn (đại ngã) thì khổ lớn, chạy trời không khỏi nắng được đâu.

Trong bản ngã hàm chứa ý niệm, thời gian và đau khổ nên tự nó chẳng bao giờ yên mãi. Bản ngã này vừa mới sinh ra thì kẻ bắt mãi bản ngã cũng vừa xuất hiện. Kẻ bắt mãi đòi phê phán, sửa sai và làm chủ bản ngã, có ngờ đâu, chính hấn cũng là bản ngã, cho nên ngay sau lưng hấn, một kẻ bắt mãi khác cũng đã trực chờ. Vậy biết bao giờ ai làm chủ được ai?

Xưa có người nằm mơ, thấy mình lọt vào một ngôi nhà kính vạn hoa, anh bỗng thấy mình phân thân cùng khắp. Chẳng biết ai là chân, ai là giả. Anh cười, những người kia cũng cười; anh giận, những người kia cũng giận; anh nói chúng là ảo ảnh, chúng cũng bảo anh là ảo ảnh;... Cãi vả om sòm, hét la ầm ĩ cho đến khi tất cả đều té nhào ngất xỉu. Giật mình tỉnh dậy chẳng thấy một ai, té ra, tất cả chỉ đều là mộng.

Tu hành lấy vọng để cầu chân

Nào có hay đâu vọng hai lần

Chẳng vọng chẳng chân, ngay tại đó

Bản lai diện mục hiện toàn chân.

Sao lại hỏi tôi

45. SAO LẠI HỎI TÔI

Người học đạo thường muốn hiểu chữ tâm họ tìm tòi trong *Abhidhamma* (thuộc Nam Tông) hoặc *Duy Thức Luận* (thuộc Bắc Tông) để phân tích cho rành rẽ thế nào là tâm. Nhưng khi bước vào các môn luận này, họ đụng phải một rừng thuật ngữ chuyên môn, nào bằng tiếng Pàli, nào bằng tiếng Sanskrit, lại còn cả những từ ngữ chữ Hán nữa. Đó là chưa kể việc các môn học này cũng chưa hoàn toàn nhất trí với nhau về nhiều vấn đề. Vì vậy, người học tưởng chừng sáng được cái tâm, ai dè càng thêm tăm tối.

Một học giả đành đến tham vấn Sư:

- Thưa Ngài! Thức, tâm, ý, tình, trí v.v... khác nhau như thế nào?

Sư nói:

- Ủa, cái đó anh tự hỏi anh chứ sao lại hỏi tôi?



Lời góp ý:

Biết bao người có thói quen tìm chân lý trong ngôn ngữ.

Thuộc lòng một số định nghĩa trong kinh, trong sách đã ba hoa nói chân nói lý. Còn tự thân chân lý thì chẳng biết nơi đâu mà tìm cho được.

Lấy kinh luận mà nghiên cứu tâm đã là chuyện buồn cười, lại nhờ người khác mà vẫn nạn tâm thì quả là đáng khóc.

Hướng ngoại cầu tâm tâm chẳng ổn

Đem tâm kiếm đạo đạo còn lâu

Tâm ở gốc tâm sao chẳng thấy

Đạo còn nơi đạo mãi tìm đâu?

Thập nhị nhân duyên

46. THẬP NHỊ NHÂN DUYÊN

Mặc dù đã học nhiều kinh sách cũng như đi nghe giảng pháp ở nhiều đạo tràng, anh ta vẫn không hiểu đích xác “*Thập Nhị Nhân Duyên*” là gì. Cuối cùng anh đến tham vấn Sư:

- Xin Thầy chỉ cho pháp Thập Nhị Nhân Duyên.

Sư nói:

- Anh vừa bỏ mất một bài *Thập Nhị Nhân Duyên* rồi!

Tưởng Sư vừa giảng xong bài pháp đó mà anh đến trễ, chàng thanh niên đành đề dịp khác. Ít lâu sau, anh đến lại xin hỏi về Thập Nhị Nhân Duyên. Sư nói:

- Anh lại vừa để mất một bài *Thập Nhị Nhân Duyên* nữa!



Lời góp ý:

Đức Phật dạy: “Thấy thập nhị nhân duyên tức thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Như Lai”.

Ngài Huyền Giác nói: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh”.

Hai câu nói hoàn toàn đồng nghĩa.

Thấy thực tánh vô minh tức là minh. Minh tức là giác, giác tức là Phật tánh, Phật tánh tức Như Lai. Thấy thực tánh vô minh tức thấy “y tánh duyên khởi pháp” của thập nhị nhân duyên.

Nói thập nhị nhân duyên dành cho Duyên Giác là chuyện ấu trĩ thật buồn cười. Không ai thành Phật mà không thấy thực tánh của vô minh, không ai giác ngộ mà không có con mắt thấy Pháp (Pháp nhãn). Tất cả Bồ Tát đều phải giác ngộ y tánh duyên khởi của thập nhị nhân duyên.

Thập nhị nhân duyên lại không khác Tứ đế. Phân Tứ đế cho Thanh Văn, Nhân Duyên cho Duyên Giác lại là chuyện buồn cười hơn nữa. Vô minh tức Tập đế. Vô minh tạo ra ảo giác sinh tử khổ đau tức Khổ đế. Thấy thực tánh vô minh tức đạo đế. Vô minh chỉ là ảo tưởng không có thật, nên thấy thực tánh vô minh có nghĩa là thấy vô minh không có thực tánh, hay nói một cách khác, vô minh diệt tức Diệt đế. Vậy Thập Nhị Nhân Duyên là một cách nói khác của Tứ đế mà thôi.

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát-nhã-ba-la-mật-đa chính là tu Đạo Đế. Chiều kiến ngũ uẩn giai không: ngũ uẩn tức Tập Đế, giai không tức Diệt Đế. độ nhất thiết khổ ách: khổ ách tức Khổ Đế. Vậy Bồ Tát muốn đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu Tam-bồ-đề phải tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên. Tất cả chư A La Hán Chánh Đẳng Giác đều đã thấy năm uẩn, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn Đế giai không y như nhau cả.

Tiểu thay người mê chỉ học Pháp trên ngôn ngữ rồi luận Bắc luận Nam, nói đại nói tiểu mà bỏ mất bài học của Pháp ngay chính nơi thực tại hiện tiền.

Phẩm phổ môn thật

47. PHẨM PHỔ MÔN THẬT

Một bà tín nữ thường ngày tụng niệm *Phẩm Phổ Môn* nhiều lần, tin rằng sẽ tai qua nạn khỏi và cầu gì được nấy. Chẳng bao lâu bà thấy có nhiều ứng nghiệm.

Nhân đến trình pháp với Sư, bà nói:

- Thưa Thầy, con tụng *Phẩm Phổ Môn* thấy quả thật linh ứng.

Sư ngạc nhiên nghĩ thầm: “*Bà này mới tụng Phổ Môn giả mà hiệu nghiệm như thế, huống chi nếu bà tụng được Phẩm Phổ Môn thật!*”



Lời góp ý:

Tất cả kinh giáo đều như ngón tay chỉ mặt trăng. Mặt trăng mới là “*kinh thật*”, còn ngón tay chỉ là “*kinh giả*” lập phương tiện. Nghe nói *Phẩm Phổ Môn* cầu gì được nấy, người ta chẳng cần đọc hết kinh *Pháp Hoa* làm gì, cứ một *Phẩm Phổ Môn* là đủ cầu *Đức Quán Thế Am* ban cho đủ điều ước nguyện. Có ngờ đâu đó là *Phẩm Phổ Môn* giả, còn *Phẩm Phổ Môn* thật lại chính là pháp tu “*phản văn tự kỷ*” mà mỗi người phải tự đóng vai *Đức Quán Thế Am* để tự nghe tự độ. Chỉ cần thất niệm bất giác, phóng dật hương ngoại là mất ba mươi hai thân! Mỗi người phải biết làm *Đức Quán Thế Am* hay làm *Quán Tự Tại Bồ Tát* để “*phản văn tự kỷ* mỗi thường quan”. Cho nên, kinh *Lăng Nghiêm* nói rõ *Đức Quán Thế Am* điển hình đã “*sơ y văn trung nhập lưu vong sở*” cho đến khi “*tịch diệt hiện tiền*” thì “*nhĩ căn viên thông*” trong ngoài nghe suốt. Nhưng không phải nghe như thiên nhĩ thông của chư thiên đâu, đây là cái nghe của người giác ngộ, nghe bằng trí tuệ quán chiếu (*Vipassanā nàna*). Vậy *Quán Thế Am* hay *Quán Tự Tại* là lắng nghe soi chiếu thế giới tự thân cho đến khi thông suốt trong ngoài là nhĩ căn viên thông vậy.

Xưa có anh chàng khờ may được một cuốn *Thần Dược Thư*. Trong đó nói có một vị *Thần Y* chữa lành bá bệnh và ghi rõ cách chữa trị của người. Chàng khờ nghe nói *Thần Y* chữa lành bá bệnh liền ngày đêm cầu nguyện *Thần Y*, nhưng bệnh anh càng ngày càng nặng. Xóm giềng thấy vậy hỏi sao anh không theo toa trong sách mà bỏ thuốc về uống, cầu nguyện làm gì. Anh khờ nổi giận bảo hàng xóm là đồ ngu, chẳng tin thần thánh, rồi tiếp tục ngồi cầu!

Không mắt mát gì

48. KHÔNG MẮT MÁT GÌ

Sư đang đi kinh hành. Một thiền sinh đến hỏi:

- Làm sao thấy được chân tướng của vạn pháp?

Sư nói:

- Bỏ ý nghĩ đó đi.

- Như thế không cần thấy chân tướng của vạn pháp sao?

Sư mắng:

- Người thấy hay không thấy thì chân tướng của vạn pháp đâu có mắt mát gì.



Lời góp ý:

Thấy tánh thấy tướng mà còn khởi “ý niệm thấy” thì tánh tướng đó chỉ là hoa đóm giữa hư không trước con mắt bệnh. Dầu có ai thấy hay không thấy thì tánh tướng vẫn y nhiên thông dong tự tại. Vậy chẳng thà đừng thấy còn hơn thấy làm thấy bậy. Vì thấy làm chỉ khổ cho mình, cho người chứ tánh tướng có mắt mát gì đâu.

Kinh Aggi-vacchagotta nói: “Kết luận pháp là thường, vô thường, hữu biên, vô biên, đồng nhất, dị biệt, có, không, vừa có vừa không, không có không không,... đều là tà kiến, kiến trụ lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược, đi đôi với khổ, tàn hại, não hại, nhiệt não, không hướng đến yếm ly, ly tham đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn”.

Vậy chớ có bắt chước Thánh Nhân mà gạn cho pháp những nhãn hiệu vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh hay thường, lạc, ngã, tịnh rồi đảo điên tánh tướng, bôi bác chân như (yathàbhùta), nhiễu loạn tín chúng.

Xưa có đứa con ngu dốt, mời Thầy thuốc về chữa bệnh cho mẹ. Thầy thuốc bắt mạch, kê toa, dặn dò liều lượng chu đáo. Quả nhiên mẹ uống vài thang đã hoàn toàn bình phục. Đứa con thấy thuốc hay, liền tự xưng Thầy thuốc, chữa bệnh cho người. Bất kỳ bệnh gì anh cũng cho toa thuốc đó với liều lượng y nguyên. Bệnh chẳng thấy lành, nhiều người chết oan. Cuối cùng bị vua bắt đem ra pháp trường xử trảm.

Thấy thì nên nói thấy

Không thấy cứ bảo không

Chẳng thà rằng không thấy

Còn hơn thấy bông lông.

-ooOoo-

49 - 60

Trà tỷ

49. TRÀ TỶ

Dù đã đi theo thiền, một thiền sinh vẫn còn đầy ắp kiến giải về các luận A Tỷ đàm, Duy Thức, Trung Quán và triết học Đông Tây.

Sư nói:

- Con có biết không, trình tự sa đọa của con người là từ không còn khả năng sống với đạo mới đưa đến đạo lý. Từ không trực nhận đạo lý mới đưa đến triết lý. Từ không hiểu triết lý đưa đến triết học. Khi những hệ thống triết học được hình thành thì sự sống đạo cũng bị... trà tỷ!



Lời góp ý:

Kết luận thì đã không còn là chân lý, hướng chỉ lặp lại những kết luận thì chẳng khác người mù sờ voi. Người mù sờ voi còn có chỗ đứng, kẻ lặp lại ngôn ngữ nói về chân lý thì hoàn toàn mò trắng đầy biển.

Người giác ngộ hồn nhiên sống đạo, nhưng vì người mê mà nói đạo lý. đáng lẽ nương đạo lý để thấy đạo, người mê lại học được đôi ba điều rồi ba hoa triết lý. Nhưng triết lý vẫn còn là những suy luận mơ hồ chưa có gì xác định. Người mê sau lại phân tích, lý giải, phê phán, hệ thống hóa triết lý bằng thể trí biện tài mà thành ra triết học với những giả thiết, định đề, định luật, hệ luận, phương pháp,... rất ư là logic, để đo lường chân lý trong những kết luận thật sắc bén vững vàng như đỉnh đóng cột. Tưởng đã nắm đạo trong tay, hóa ra chỉ là đạo giấy.

Bệnh này, ngoài Phật, may ra theo Lão Tử mà “tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần” mới mong “huyền đồng” mà trở về với Đạo.

An nhiên tâm lặng lẽ

Sáng suốt tuệ nhật soi

Nói Đạo còn xa Đạo

Hướng kẻ mù sờ voi!

Thiền định lâu nhất

50. THIỀN ĐỊNH LÂU NHẤT

Sư hỏi các đệ tử:

- Trong các con, ai hành thiền định lâu nhất?

Các đệ tử lần lượt thưa:

- Con nhập định một giờ.
- Con nhập định hai giờ.
- Con nhập định một ngày.
- Con nhập định năm ngày.
- Con nhập định bảy ngày.

Cuối cùng, một người đệ tử thưa:

- Thưa Thầy, con không biết con nhập bao lâu, chỉ biết là con đang thở từng hơi thở mà thôi.

Sư mừng rỡ nói:

- Thế mà con thiền định lâu nhất đó.



Lời góp ý:

Thiền định lâu nhất cũng còn xuất nhập, nên thiền định không phải là cứu cánh của Đạo Phật. Cao nhất của thiền định là cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới mà thôi.

Tuy nhiên, Đạo Phật không loại trừ thiền định, vì nếu sử dụng thiền định mà không dừng lại nơi thiền định, không xem thiền định là tối hậu mà chỉ tạm thời thoát khỏi sự chi phối đa đoan phiền nhiễu của cõi dục thì rất tốt. Vì vậy, thiền định vẫn được coi là hiện tại lạc trú của các bậc Thánh (Ariyassa ditthadhamma-sukha vihàra).

Thiền Tuệ cũng không loại trừ thiền định, vì trong tuệ luôn luôn có định. Hơn nữa, thiền tông nói rằng đói ăn, khát uống, mệt nghỉ, thì sao lại không thiền định một chút cho khí dưỡng thần tồn?

Nhưng khi thiền định được rồi thì người ta thường ham mê hỷ lạc, do đó, đáng lẽ thiền định là quên thời gian, thì người ham mê thiền định lại tính thời gian để đo lường định lực.

Định lực không ở thời gian, mà ở chỗ bất loạn. Nếu trong từng hơi thở mà tâm bất loạn, quên hết thời gian thì sát-na định (khanika-samàdhi) lại chính là đại định (mahà-samàdhi).

Vãng sinh

51. VẮNG SINH

Người theo phái Tịnh độ tin rằng niệm Phật A Di Đà sẽ được vãng sinh Tây Phương Cực Lạc, còn người theo Nam Tông thì niệm Arahham là danh hiệu đầu tiên của Phật và cũng là quả Thánh tối cao trong hàng Tứ Thánh.

Một hôm, có người hỏi Sư:

- Thưa Thầy, không biết về sau con có được vãng sinh Tây Phương Cực Lạc không?

Sư hỏi:

- Anh niệm danh hiệu nào?

- Dạ, Arahham.

Sư nói:

- Arahham là vô sinh sao anh lại cầu vãng sinh?



Lời góp ý:

Mục đích người tu Phật, kể cả bậc Đại Bồ Tát, đều là thoát lý luân hồi sinh tử, liễu ngộ tự tánh (Niết Bàn). Không luân hồi sinh tử tức tự tánh vô sinh diệt (A-la-hán).

Danh hiệu A-la-hán và A Di Đà hoàn toàn đồng nghĩa. Một bên là chỉ thẳng tự tánh vô sinh diệt (A-la-hán) cho căn cơ trí tuệ, một bên là nhân cách hóa thành một vị Phật (A Di Đà) cho căn cơ đức tin.

A-la-hán có ba đức: Minh cụ túc (Vijjā sampanno), Vô sinh diệt (Ajatamato) và Thanh tịnh vô nhiễm (Nikkilesa visuddho).

A Di Đà cũng có ba nghĩa: Vô lượng quang tức Minh cụ túc, Vô lượng thọ tức Vô sinh diệt và Tịnh độ bản tâm tức Thanh tịnh vô nhiễm. Vậy A-la-hán và A Di Đà chỉ là một.

Người niệm Phật A Di Đà tuy nguyện vãng sinh, nhưng thực ra mục đích cũng vẫn là vô sinh (Hoà khai kiến Phật ngộ vô sinh). Do đó, “Nhất cụ Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chỉ đáo Tây phương” nghĩa là, khi đã nhất tâm bất loạn thì đến cõi Tịnh độ mà không cần tốn một sát-na, bởi vì “tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh” thì ở đâu cũng là Tây Phương Cực Lạc, khỏi phải vãng sinh Tịnh độ.

Hơn nữa, “tự tánh Di Đà duy tâm tịnh độ” thì chỉ cần ngộ tánh vô sinh, giác tâm vô nhiễm tức đã là cõi Di Đà tịnh độ rồi.

A-la-hán và A Di Đà chính là tự tánh vô sinh. Vì thế, niệm A-la-hán hay niệm A Di Đà đâu phải cầu vãng sinh mà chính là vô sinh vậy.

Thực sự hành

52. THỰC SỰ HÀNH

Nhiều học giả cho rằng môn *A-tỳ-đàm* (Abhidhamma) tức *Vi Diệu Pháp* hoặc *Thắng Pháp* là môn học cao siêu hơn cả *Duy Thức Luận*, nên họ còn gọi là môn *Siêu Lý Học*.

Sư nói với một học giả Siêu Lý:

- Ta có một môn hơn xa Siêu Lý Học, nhờ đó mà có thể biến hóa vô cùng, dung thông vạn pháp.
- Đó là môn gì mà siêu dữ vậy?

Sư nói:

- Không phải siêu mà là thực, vì đó là môn *Thực Sự Hành*.



Lời góp ý:

Siêu Lý Học là tên gọi khác của môn học lấy *Diệu Pháp Tạng* (Abhidhamma Pitaka) làm đối tượng nghiên cứu. Chủ đề của *Diệu Pháp* là Tâm, Tâm Sở, Sắc và Niết Bàn.

Tâm hợp với Tâm Sở và Sắc tạo ra tâm giới, đồng thời cũng chính Tâm chứng ngộ Niết Bàn. Đó là nguyên lý tổng quát đã được mô tả và phân tích kỹ lưỡng trong môn *Siêu Lý Học*.

Nhưng pháp học chỉ là phương tiện để thấy ra pháp hành. Thấy pháp hành chưa đủ mà còn phải thực sự hành nữa mới được. Nếu không, người học pháp có thể rơi vào hai sai lầm:

1) Quá say mê pháp học để tích lũy sở tri, không ngờ chính sở tri vay mượn quá chi ly manh mún là trở ngại lớn lao cho việc hành trí.

2) Quá tin vào những công thức tạm lập (để diễn tả cho dễ hiểu) rồi đem ra áp dụng một cách máy móc không sáng tạo mà cho là tu. Có thể những công thức được mô tả đúng đắn, nhưng dầu sao cũng không có công thức nào phô diễn được trọn vẹn chân lý vốn rất linh động khó lường. Chưa kể qua lý trí vọng thức của người học, công thức đã được tiếp thu một cách méo mó. Công thức là phương tiện diễn đạt sự thật mà đã bị méo mó thì sự thật làm sao thấy được, nên khi đem ra áp dụng tưởng là thực hành chánh pháp, hóa ra chỉ thực hành tà đạo!

Người học giáo pháp đúng hướng phải biết “được ý quên lời”, phải biết nhìn vào sự thật chứ đừng nhìn vào công thức. Ví dụ, đừng phân tích tâm qua “công thức lộ trình tâm”, mà qua chính sự diễn biến đang xảy ra một cách sống động nơi tâm mình. Có thể lúc đầu ta không thấy được tâm như công thức gợi ý, nhưng về sau lại thấy vi tế hơn công thức diễn tả rất nhiều.

Đừng đem công thức áp dụng lên thực tại, trước khi muốn nhìn thực tại phải biết vứt bỏ công thức đi. Vì thực hành là trực tiếp thể nghiệm chân lý chứ không phải mô phỏng, áp dụng hay so sánh công thức với chân lý. Từ chân lý, bậc Giác Ngộ nói ra lời để chỉ bày chân lý, mượn lời để nhìn thẳng vào sự thật được chỉ bày chứ không phải đem lời áp đặt lên chân lý. Chân lý là sự sống nên chỉ có thể sống chứ không thể áp dụng. Áp dụng tức áp đặt một khuôn mẫu đã có trước lên trên thực tại đang là, trong khi thực tại đó chính là sự sống luôn luôn linh động và mới mẻ, chỉ có một trí tuệ sâu lắng bất động (acalā gambhīrā pannā) mới có thể hội nhập. Trí tuệ đó hoàn toàn trong sáng (visuddhanana), hoàn toàn ngược lại với dòng thác lý trí vọng thức (anoghanīyā pannā).

Vậy phải biết quên đi bài học về Siêu Lý kinh điển để thể hội bài học Siêu Lý trên thực tại hiện tiền luôn luôn sinh động mới mẻ. Đó chính là thực sự hành vậy.

Niết bàn

53. NIẾT BÀN

Một thiên sinh tự cho mình là đã suốt thông kinh tạng, chỉ còn tinh tấn hành trí là sẽ đạt được Niết Bàn. Nhưng anh hành đến sốt ruột cũng chưa thấy Niết Bàn đâu. Anh bèn đến cầu kiến Sư:

- Lý sự con đều đã trải qua mà vẫn chưa được Niết Bàn, bây giờ phải làm sao?

Sư nói:

- Niết Bàn là *tịch tịnh* (santi), là *ngươi lạnh* (sita) mà ngươi nôn nóng như thế làm sao đạt được?



Lời góp ý:

Ai đi tìm Niết Bàn? Nếu bản ngã đi tìm Niết Bàn thì Niết Bàn chỉ là ảo tưởng của bản ngã.

Ai đạt đến Niết Bàn? Nếu bản ngã có đến ngồi chễm chệ trên Niết Bàn thì bản ngã vẫn là bản ngã chứ không bao giờ Niết Bàn được.

Còn đi tìm Niết Bàn... tức chưa biết Niết Bàn là gì và ở đâu. Vậy không bao giờ tìm được Niết Bàn, vì dù có gặp thì làm sao biết đó là Niết Bàn?

Còn đạt đến Niết Bàn tức chưa phải Niết Bàn, vì Niết Bàn không phải là nơi (cõi giới) để đi đến. Đến đi tức nhân quả, thời gian và sinh tử.

Niết Bàn không phải là trạng thái lý tưởng, dù là hư vô, ngoan không hay thường - lạc - ngã - tịnh, vì trạng thái lý tưởng chỉ là phóng ảnh của vô minh ái dục.

Niết Bàn không đoạn nên chẳng thường, không khổ nên chẳng lạc, không năng sở nên chẳng ngã pháp, không dơ nên chẳng tịnh, chớ có mưu toan tô son vẽ phấn.

Niết Bàn cũng không phải là kết quả của một quá trình tu luyện, vì tu luyện chỉ đến sở đắc. Còn sở đắc là còn được còn mất, còn thành còn bại. Sở đắc có sinh nên sở đắc có diệt. Niết Bàn không sinh nên Niết Bàn không diệt. Chớ có manh tâm chiếm đoạt Niết Bàn.

Xưa có gã nằm mơ thấy mình giàu sang phú quý, danh vọng tột bậc, hạnh phúc tuyệt đỉnh. Thế rồi vật đổi sao dời, một ngày kia bỗng nhiên tán gia bại sản, thân bại danh liệt, khổn khổ tận cùng. Trong khi đang bị tù tội tra khảo, gã mơ tưởng đến một viễn ảnh tự do và ngày đêm tìm phương vượt ngục. Kiên trì đào hang khoét lỗ, một hôm gã cũng thoát được ra ngoài, thấy mình thật là tự do thoải mái. Nhưng đi chưa được bao lâu, gã lại thấy trước mắt tường kín rào cao trùng trùng điệp điệp... Giật mình thức dậy thì tất cả thành bại, được mất, hơn thua, vui khổ đều bỗng tiêu tan, bấy giờ gã mới thở phào nhẹ nhõm.

*Bản ngã, vô minh, ái dục, khổ vui v.v... đều toàn là mộng. Cho nên, với những người đang nằm mơ, Đức Phật không đưa ra thêm một “Niết Bàn trong mộng”, Ngài chỉ giúp họ tỉnh giấc thì tất cả mộng mơ đều tự tiêu tan. Đó là lý do vì sao Ngài Sàriputta trả lời du sĩ ngoại đạo Jambukhàdaka: “**Này hiền giả! Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si là Niết Bàn**”. Và khi nói Niết Bàn là tịch tịnh, thanh lương cũng đồng một nghĩa: mộng寐 tiêu tan thở phào nhẹ nhõm vậy.*

Thiên thủ thiên nhãn

54. THIÊN THỦ THIÊN NHÃN

Một thiên sinh hỏi:

- Thừa Thầy, theo Mật Tông, Đức Chuẩn Đề có ngàn tay ngàn mắt là ý nghĩa gì?

Sư nói:

- Người cũng có ngàn tay ngàn mắt nhưng chưa vô ngại đại bi đó thôi.

- Làm sao con có ngàn tay ngàn mắt được?

- Sao lại không? Nóng lạnh, đói no, vui buồn, mừng giận, đẹp xấu, dở hay, phải trái,... cho đến ngàn chuyện người đều biết, đó không phải người có ngàn mắt hay sao? Lại còn làm lưng, đi đứng, ăn ngủ, nói năng, suy tính, tạo tác, động tịnh,... cho đến ngàn việc người đều làm được, đó không phải ngàn tay là gì?



Lời góp ý:

Nói đến Đạo là người ta mơ đến một cái gì siêu việt. Cái gì gọi lên trí tưởng tượng càng phong mới càng cao siêu mầu nhiệm.

Thế mà một quy luật có vẻ nghịch lý nhưng rất hiển nhiên, đó là, càng mơ cái huyền nhiệm phi thường lại càng tầm thường cạn cợt. Ngược lại, càng sống giản dị, bình thường, lại càng thâm sâu uyên áo.

Cho nên, Lão Tử nói: “Trí giả nhược ngu, tình thâm nhược đạm”.

Sở dĩ người ta “hướng ngoại cầu huyền” là vì chưa thấy ra cái cao siêu mầu nhiệm trong cái nhỏ nhất bình thường.

Người ta đi đến một nơi đầy hứa hẹn, nhưng không thấy ý nghĩa tuyệt vời của một bước đi. Người ta ăn qua loa cho xong bữa để tranh thủ đi luyện thần thông pháp thuật, nên đâu thể biết rằng mỗi cái nhai là thần thông, mỗi hạt cơm là diệu dụng.

Kinh Thánh nói: “Mỗi sợi tóc trên đầu rơi xuống đều là ý của Đức Chúa Trời”, nghĩa là mỗi sự việc diễn ra trên đời, dù nhỏ nhất đến đâu, đều có ý nghĩa nhiệm mầu của nó.

Vậy mà người ta vẫn cứ loay hoay trèo non lặn suối đi tìm sự huyền bí phi thường, không biết rằng “Thiên địa giai bị ư ngã, phản thân nhi thành lạc mạc đại yên”.

Nước Phật nằm trong hạt cát

Chúa Trời ngự khắp nơi nơi

Vạn pháp tiềm tàng Thái cực

Người xưa đâu phải nói chơi.

Bắt chước thiền sư

55. BẮT CHƯỚC THIỀN SƯ

Nhiều thiền sinh sau khi đọc hành trạng của các thiền sư cổ đức, mỗi người tâm đắc hành trạng của một vị thiền sư nào đó và bắt chước y hệt những gì ghi lại trong các ngữ lục.

Có thiền sinh đưa lên một ngón tay, thiền sinh khác chỉ cây tùng trước sân, có người toan chẻ tượng Phật, có người lại định giết cả mèo v.v...

Sư nói:

- Các sách vở chỉ ghi chép một điểm nhỏ trong đời sống phong phú của các thiền sư, các người chỉ bắt chước được một điểm nhỏ đó thôi chứ làm sao bắt chước được đời sống toàn diện của các Ngài. Chẳng lẽ các Ngài suốt đời chỉ làm một chuyện đó thôi sao?



Lời góp ý:

Tu không phải là tạo cho mình một phong cách độc đáo, bởi vì độc đáo tới đâu cũng chỉ là quái thai của bản ngã, hướng hồ chỉ bắt chước phong cách của người, dù đó là tiên phong đạo cốt hay phong thái thiền sư.

Nietzsche nói: “Chẳng thà làm thằng điên cho chính mình còn hơn làm bậc Thánh cho tư tưởng của kẻ khác”.

Đạo không thể mô phỏng hay bắt chước nơi Thánh nhân. Thuở xưa, các vị đại Thánh Tăng chẳng có ai giống ai mà “mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười”. Các bậc thiền sư đạt đạo xưa nay cũng đều như vậy.

Cho nên, suốt ngày hét đến đình tai cũng không là Lâm Tế, trọn đời thiêu hết Phật gổ cũng chẳng phải Đơn Hà.

Lập lại ngôn ngữ thiền sư coi chừng mắc bẫy, làm theo cử chỉ thiền sư khéo khéo bị lừa. Giống như người bắt chước vô vi của Lão tử, chính là người hữu vi cực kỳ lộ liễu.

Phật dạy: “Người ngu biết mình ngu ấy là kẻ trí”, còn kẻ mê mà bắt chước người ngộ thì không biết mê đến cỡ nào.

Vì vậy mà Tuệ Trung Thượng Sĩ thản nhiên nói: “Phật là Phật, anh là anh, Phật chẳng cần làm anh, anh chẳng cần làm Phật”.

Mới hay tự ngộ lấy mình

Chớ nên bắt chước chúng khinh bạn cười.

Chuyện bực mình

56. CHUYỆN BỰC MÌNH

Đời sống trong thiền viện không phải luôn luôn phẳng lặng như mặt nước hồ thu. Thịnh thoảng cũng có vài chuyện bất hòa. Hai thiền sinh nọ bất đồng ý kiến về cách thể hiện kỷ luật. Một người thích nghiêm minh, một người thì ưa phóng khoáng. Họ thường tranh luận với nhau không ai chịu nhận, vì vậy hay gây bực mình cho các thiền sinh khác.

Trình với Sư để xin hòa giải thì Sư chỉ cười không nói gì khiến họ càng bực mình thêm. Cuối cùng, Sư nói:

- Hai chú ấy bất hòa đâu phải cốt để các anh bực mình. Còn đã bực mình thì chính các anh cũng đã bất hòa nói gì đến hòa giải ai được!



Lời góp ý:

Chuyện bực mình không xảy ra bên ngoài mà khởi lên trong tâm người... bực mình! Chuyện xảy ra bên ngoài chỉ là duyên, phản ứng khởi lên bên trong mới là nhân phiền não. Duyên là phụ, nhân mới chính. Nhưng khổ thay, vì người ta cứ nhìn ra ngoài nên duyên trở thành chính, còn nhân gây ra bao khổ não lại chẳng mấy khi thấy được.

Người ta có khuynh hướng giải quyết điều kiện bên ngoài, ít ai quan tâm giải quyết tận nguồn nội tại.

Bên ngoài là duyên nên cứ tùy duyên mà thuận. Thuận không phải là chạy theo, mà chỉ cần không chống trái, không thủ xả.

Đức Phật dạy: “Núi đá kiên cố không bị gió lay, những lời khen chê không lay động bậc Đại Trí”.

Kinh Mangala Sutta cũng dạy:

Khi xúc chạm việc đời
Tâm không động không sầu
Tự tại và vô nhiễm
Là phúc lành cao thượng.

Kiên cố không lay động không phải là cố chấp, hay đã có chủ trương khẳng khái nhất định. Chính vì có chủ trương mà hai thiền sinh mới bất đồng ý kiến. Chính vì có chủ trương mà hai chú tiểu cứ mãi cãi nhau về phước động hay gió động.

Ngài Huệ Năng nói: “Tâm các ông động”. Đó chính là “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật” vậy.

Không có đường đến Niết bàn

57. KHÔNG CÓ ĐƯỜNG ĐẾN NIẾT BÀN

Ai cũng biết mục đích tối hậu của Đạo Phật là Niết Bàn. Như vậy, chẳng cần nghĩ bàn gì, người ta cứ việc khẳng định rằng Đạo Phật chính là con đường đi đến Niết Bàn đó.

Nhưng Sư lại nói:

- Chẳng bao giờ có con đường đến Niết Bàn, chỉ có đường vào luân hồi sinh tử mà thôi.

Các thiên sinh rất lấy làm lạ, thắc mắc:

- Như vậy, Đức Phật dạy Đạo để làm gì?

Sư nói:

- Đạo chỉ để xóa tan *Tập đế*, như ánh sáng xóa tan bóng tối chứ đâu phải đường đến *Niết Bàn*. Ví như trong bóng tối anh không tự nhìn thấy mình, đến khi thấp đèn lên mới thấy được mình. Như vậy, anh không cần phải đi đâu mà tìm kiếm chính anh. *Niết Bàn* cũng y như vậy.



Lời góp ý:

Không phải hễ cứ gọi đạo thì tức là con đường. Con đường luôn luôn có khởi điểm và có chỗ đến. Niết Bàn không phải là chỗ đến theo nghĩa một địa điểm. Cho nên, không có đường đến Niết Bàn.

Từ Đạo được dùng rất nhiều nghĩa:

Đạo trong Lão Tử Đạo Đức Kinh là chân lý rất rảo. Đạo trong Thiên Chúa Giáo là lẽ thật và sự sống đời đời. Đạo trong Khổng Học là cách xử thế tiếp vật, minh đức thân dân và chí thiện.

Đạo dùng trong Đạo Đức có nghĩa là “sự thực hành nhằm vào khổ diệt” (Dukkha-nirodha-gāminī-patipadā), hoặc Đạo trong Bát Chánh Đạo được định nghĩa là “tiêu tan phiền não” (kilesamārento). Nói theo Kinh Bát Nhã thì Đạo tức là “chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách” vậy.

Trong tất cả các thuật ngữ Đạo nói trên, không có thuật ngữ nào chỉ con đường có đi có đến cả. Đặc biệt trong Đạo Phật, Đạo chẳng liên hệ gì đến Niết Bàn, vì không có Đạo vẫn cứ có Niết Bàn. Nhưng không có Đạo thì không thể chứng ngộ Niết Bàn được.

Giống như người đang nằm trên giường có ảo giác bị rơi vào khoảng không không đáy, anh ta cảm thấy hốt hoảng và khiếp sợ. Chỉ cần ảo giác tiêu tan (hoặc thấy đó chỉ là ảo giác) thì người ấy trước sau vẫn nằm trên giường thoải mái bình yên. Niết Bàn cũng y như vậy.

Đại bịnh

58. ĐẠI BỊNH

Một thiền sinh nọ tự cho mình là đã thấy tánh.

Sư hỏi:

- Tự tánh ông thế nào?

Thiền sinh khẳng định một cách rất tự tin:

- Hoàn toàn rỗng rang thanh tịnh.

Sư nói:

- Đó là bịnh tướng!

Thiền sinh vô cùng tức giận, cho rằng chính thiền sư cũng không thấy được chỗ thâm thâm vi diệu mà anh đã chứng ngộ, bèn cất vấn:

- Sao gọi là bịnh tướng?

Sư đáp:

- Cổ đức dạy: “*Tri tâm thanh tịnh thời bất sanh thanh tịnh tướng*”. Nay anh lấy cái tướng thanh tịnh làm tự tánh thì không phải bịnh tướng là gì.

Thiền sinh nhất mực phản đối:

- Đó là sự thật mà tôi chứng ngộ chứ đâu phải là tướng tượng.

Sư than:

- “Sự thật đó” chỉ là một trong muôn ngàn tướng của Pháp (tâm) mà lại gán cho cái tên là tự tánh mới sinh ra bịnh tướng, chứ còn giả tướng của tướng tượng thì còn nói làm gì.

Nói xong, Sư ngâm bài kệ của cổ đức:

“Thức đắc bốn tâm bốn tánh

Chính thị tông môn đại bịnh.”



Lời góp ý:

Bất kỳ người ta khẳng định tự tánh là gì thì nó liền bị chụp cái mũ vọng tướng hay ít nhất cũng là tục đế tướng (Sammūti sacca nimitta) hoặc thi thiết tướng (pannatti nimitta) thuộc về biến kế sở chấp, ngũ trước hoặc tam tế lục thô, rơi vào nhân duyên, ngũ uẩn.

Tự tánh “bỏ lại vô nhất vật” thì còn ham xác định tướng để làm gì?

Kinh Kim Cang nói: “Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. Tướng còn thấy là phi tướng huống chi là tánh. Nhưng ngay khi thấy phi tướng tức là thấy tánh. Ngược lại, cố thấy tánh thì nhất định rơi vào hữu tướng. Đó là điều rất đơn giản mà những người mắc phải bịnh thiền không thể nào thấy được. Và đó cũng là lý do tại sao trong Phật Giáo Nguyên Thủy, Đức Phật chỉ nói đến Pháp tướng vô thường, khổ não, vô ngã, bất tịnh mà không nói Pháp tánh thường - lạc - ngã - tịnh như các luận phái về sau.

Đức Phật dạy: **“Này Sàriputta, an trụ của bậc đại Nhân tức là không tánh”** (Mahàpurisa viharo h’esa, Sàriputta, yadidam sunnatà).

Nhưng tánh không, vô nhất vật hoặc phi tướng không có nghĩa là không có gì cả (Natthità). Không có gì cả tức rơi vào ngoan không hoặc hư vô luận (Natthivàda).

Không có đây là không có tướng vọng, không có nhất tướng vô minh (Ekàvijjà nimitta) che lấp thực tướng của pháp. Nói “thực tướng vô tướng” chính là nói với nghĩa này.

Vậy không phải tánh không có tướng, mà tướng của tánh là thực tướng vô tướng, cho nên bậc trí chỉ cần thấy như thị tướng thì đã là thấy tánh mà không rơi vào đại bệnh.

Tình nguyện đi theo

59. TÌNH NGUYỆN ĐI THEO

Trong buổi lao tác mệt mỏi, một chú tiểu đang mơ được nghỉ ngơi thoải mái, bỗng nghe chú tiểu bạn hỏi:

- Hỏi thiệt nghe, nếu có một điều ước, chú sẽ ước gì?
- Ư, thế thì hay lắm! Tôi sẽ ước được tái sinh vào một cảnh giới chỉ có ăn, chơi và ngủ chứ không làm lụng gì cả.
- Ê, tôi tình nguyện theo chú đó!
- Ủa, chú cũng đồng minh với tôi hả?
- Không đâu, tôi chỉ theo chữa bệnh cho chú kéo tội nghiệp chú mà thôi!



Lời góp ý:

Đôi lúc những người tu hành cũng có những ý nghĩ thật tầm thường: đạt đến một cõi giới an lạc như ý muốn của mình. Nhưng coi chừng, đạt đến cõi giới như ý là bệnh hoạn đó nghe!

Nguyên nhân sai lầm này là người ta không phân biệt được khổ để với khổ thọ bình thường.

Khổ để là ảo giác do ảo tưởng tập để tạo ra, còn thọ khổ là cảm giác do duyên pháp tự nhiên tạo ra. Bậc giác ngộ chỉ thoát khỏi khổ để chứ không cần giải thoát khỏi khổ thọ bình thường tự nhiên.

Khi làm việc nhiều thì mệt, đói, khát v.v... Đó là khổ thọ tự nhiên chứ không phải khổ để. Chỉ cần nghỉ ngơi ăn uống là xong chứ đâu cần phải tu hành giải thoát làm gì cho thêm khổ.

Nhưng khi bản ngã nói: “Sao ta lại phải làm việc mệt nhọc thế này, phải chi ta đi chơi cho khỏe!” Bấy giờ, ảo tưởng đi chơi chống đối với thực tế làm việc (Tập để) tạo ra một ảo giác khổ sở, chán nản, bức bối (Khổ để). Thực tế thì bản ngã làm biếng này cũng chưa có gì nên mệt cả mà đã thấy khổ rồi, còn người siêng năng chú tâm làm việc tuy có mệt thật mà thấy vui nữa là khác. Vậy cái khổ của anh chàng làm biếng hay vọng tưởng chỉ là ảo giác trong ảo tưởng mà thôi.

Cho nên cần phải biết rằng hễ còn ảo giác ảo tưởng thì dù có lên cõi Cực Lạc Tây Phương cũng vẫn cứ khổ để như thường, phải không các bạn?

Cảnh giới lý tưởng của Thiền

60. CẢNH GIỚI LÝ TƯỞNG CỦA THIỀN

Một thiền sinh nói:

- Cảnh giới lý tưởng nhất của thiền là hoàn toàn tự do thoải mái. Tất cả luật lệ, khuôn phép,, giáo điều, lễ nghi, quy tắc v.v... đều chỉ là những ràng buộc, nên chúng hoàn toàn vắng bóng trong thế giới thiền.

Một thiền sinh khác cãi lại:

- Cảnh giới lý tưởng nhất của thiền là hoàn toàn nghiêm túc. Anh không nghe người ta nói “*trạng nghiêm Phật Quốc*” hay sao? Vì vậy theo tôi, cái gì thiếu quy củ, thiếu điều độ, thiếu nghiêm chỉnh, thiếu mực thước đều là buông lung phóng dật, nên chúng hoàn toàn không có mặt trong thế giới thiền.

Sư nói:

- Các anh đều đúng, nhưng đó là những cảnh giới lý tưởng nhất trong ý niệm của mỗi người, chứ thiền làm gì có cảnh giới mà nhì với nhất!



Lời góp ý:

Thiền chẳng bao giờ có cảnh giới lý tưởng, nhưng tất cả cảnh giới đều là cảnh giới thiền.

Thiền không phải là một cuộc đối chác giữa lý tưởng này với lý tưởng khác.

Thiền cũng không có thì giờ đâu mà chọn lựa thị phi. Cho nên:

Mắt rợ hồ nở tròn xoe xanh biếc

Lão thiền tăng chống gậy ngấm trần gian

Hai chú gà mãi tranh nhau thắng bại

Ánh mắt thiền xanh biếc vẫn còn xanh

-ooOoo-

61 - 72

Chẳng có ai tin

61. CHẲNG CÓ AI TIN

Thị giả của Phật Tổ Thích Ca là Ngài A-nan được lệnh xuống trần xem thời mạt pháp như thế nào. Chẳng bao lâu, Ngài đã trở về trình bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn! Hình như sau khi thế Tôn nhập diệt, ở dưới trần còn có nhiều Phật khác xuất hiện.

- A- nan, sao con lại nói vậy?

- Bạch Thế Tôn! Thứ nhất là có nhiều hình tượng Phật diện mạo khác nhau, dĩ nhiên là khác xa Thế Tôn, được thờ cúng khắp nơi. Hai là có nhiều kinh điển, pháp môn đều nhận là giáo lý của Thế Tôn nhưng khác xa giáo pháp mà con đã được nghe và thuộc nằm lòng do chính Thế Tôn thuyết giảng. Ba là có rất nhiều tông phái khác nhau tự xưng là truyền thừa chính thống từ Thế Tôn, nhưng hoàn toàn mâu thuẫn với nhau... Chính vì vậy, con chắc rằng có nhiều Phật đã xuống trần sau khi Thế Tôn nhập diệt.

- A-nan, chớ có nói vậy. Sau Như Lai, chỉ có Phật Di-Lặc mà thôi. Nhưng Bồ Tát Di-Lặc chưa đến thời giảng thế. Vậy nếu có ai xưng Phật, chắc chắn là Phật giả. Con mau xuống trần đính chính kéo chúng sanh lầm lạc.

- Bạch Thế Tôn! Con không thể đi được, vì từ lâu họ đã gán cho con là tiểu thừa rồi, chẳng còn ai tin con nữa!

- Thôi A-Nan, thời mạt pháp nghiệp dĩ như vậy thì cứ là như vậy.



Lời góp ý:

Giáo pháp của Đức Bốn Sư Thích ca Mâu Ni được chính Ngài tiên tri là trải qua ba thời kỳ trước khi hoại diệt. Thời kỳ đầu là thời Chánh Pháp (khoảng 500 năm), sau đó đến thời Tượng Pháp (khoảng 1000 năm), và cuối cùng là thời Mạt Pháp (cho đến khi hoại diệt).

Chánh Pháp ví như thân gốc, Tượng Pháp ví như những cành lớn và Mạt Pháp ví như nhiều nhánh ngọn nhỏ của cây. Những cành lớn trông giống như thân gốc, nhưng không phải là thân gốc nên gọi là Tượng (tương tự). Nhánh ngọn chia phân sai biệt từ những cành lớn nên gọi là Mạt (ngọn).

Nhánh ngọn càng ngày càng chi lý làm cho cành lá sum suê rồi đâm ra quên gốc, tưởng mình là quan trọng đệ nhất, nên không những khinh chê nhánh ngọn khác mà còn khinh chê cả thân gốc vốn hàng ngày âm thầm cung cấp nhựa sống cho mình.

Những nghệ nhân chơi cây kiểng thường cắt bớt những nhánh ngọn dư thừa để bảo toàn gốc rễ. Nhà vườn cũng thường tỉa bớt những cành nhỏ cành tảo để nhựa tập trung đơm hoa kết trái.

Nhánh lạ làm cho cây sum suê, nhưng đồng thời cũng làm cho cây bị tổn hại. Vì vậy, nếu nhánh lạ biết rõ thân phận và sứ mạng của mình để bớt tự kiêu ngã mạn đi một tí thì tốt đẹp biết chừng nào!

Khán thoại đầu

62. KHÁN THOẠI ĐẦU

Sư hỏi một thiền sinh:

- Người đang làm gì đó?
- Dạ, con đang khán thoại đầu.
- Sao không khán tự tánh mà lại khán thoại đầu?
- Dạ, con chưa thấy tự tánh làm sao khán được?

Sư nói:

- Người căn cơ bậc thượng chỉ khán tự tánh chứ không khán thoại đầu.

Thiền sinh thưa:

- Bạch Thầy, con căn cơ chậm lụt xin Thầy chỉ dạy.

Sư hỏi:

- Người khán thoại đầu để làm gì?
- Dạ, để thấy tự tánh.
- Tự tánh sinh từ thoại đầu hay tánh tự nó có?
- Dạ, tự nó có.
- Vậy người nhớ cho kỹ, đừng để thoại đầu sinh ra tự tánh nhé.

Lời góp ý:

Cốt tủy của thiền là trực chỉ nhân tâm và kiến tánh. Vì căn cơ trực chỉ kiến tánh quá hiếm hoi nên đành phải vận dụng ra phương tiện tam công án hay khán thoại đầu để đợi thời cơ ngàn năm một thuở!

Nhưng khi đã lập ra phương tiện thì phải có cứu cánh. Có thời gian, có nhân quả. Và thế là nói đồn hóa ra thành tiệm.

Thực ra, người hạ thủ công phu đúng đắn thì đã thấy cứu cánh ngay nơi phương tiện, nếu không muốn nói phương tiện chính là cứu cánh. Tiếc thay, phần đông lại tưởng ra cứu cánh trước - như là “cái tôi sẽ trở thành” - rồi mới sử dụng phương tiện để đạt đến cứu cánh tương tượng đó. Thế là luân hồi bất đoạn, sinh tử triền miên.

Thế mà có người vẫn ngộ, nhưng chỉ ngộ⁽¹⁾ được cái sở tư kiến, sở tư dục của mình mà thôi! Mới hay:

Thoại đầu vô nhất tướng

Do lai tướng khởi sinh

Bất tri vân già tướng

Hoàn ngộ⁽²⁾ tướng vô minh.

Đồng hay bất đồng

63. ĐỒNG HAY BẤT ĐỒNG

Một học giả nghiên cứu về những điểm dị đồng giữa các tôn giáo hỏi ý kiến Sư:

- Đạo Khổng nói “*thuận thiên lập mệnh*”, Đạo Thiên Chúa nói “*vâng ý Cha*”, Đạo Lão nói “*Đạo pháp tự nhiên*”, còn Đạo Phật cũng nói “*Tùy Pháp Hành*”. Những giáo lý ấy có giống nhau không?

Sư nói:

- Giống ở người thấy, không giống ở người không thấy.



Lời góp ý:

“Người nằm xuống từ ngàn xưa vang bóng
Ta bước qua từ ngữ rụng hai lần”.

(Bùi Giáng)

Đức Phật, Lão Tử, Khổng Tử và Đức Chúa Jésus đã tịch diệt và để lại cho đời ngôn- ngữ - chỉ-bày- chân- lý riêng biệt của các Ngài. Hậu thế đáng lẽ phải biết vượt qua ngôn ngữ đó để thấy chân lý, thì lại một lần nữa dùng ngôn ngữ để triển khai ngôn ngữ. Thế là những lời dạy trực tiếp và dung dị đi thẳng vào sự sống của các bậc Đạo Sư được những người “quá thông minh” biến thành những hệ thống tư tưởng đầy ý niệm, biểu tượng và luận lý. Người ta không biết rằng, tư tưởng càng cao siêu bao nhiêu càng xa rời chân lý bấy nhiêu. Ví như có người muốn biết gổ gì sau lớp sơn mà không chịu cạo bỏ lớp sơn ấy đi lại còn gia công tô phết thêm vào. Cũng vậy, các Luận Sư, Đạo gia, Nho gia và các nhà Thần học tưởng có công triển khai đạo giáo của các bậc Giáo chủ, ngờ đâu chỉ vẽ rắn thêm chân, che mờ đạo lý của các Ngài.

Những bậc Thánh hiền xưa được các bậc Đạo Sư trực tiếp khai ngộ, chỉ cần “từ ngữ rụng” một lần là thấy đạo. Sau thời các Luận Sư thì ngôn ngữ phải rụng tới hai lần mới thấy ra sự thật. Còn thời nay, không biết “từ ngữ” phải “rụng” đến mấy lần mới thấy ra chân lý?

May thay, chân lý luôn luôn hiện hữu nên “người có mắt” vẫn có thể “thấy” bất cứ lúc nào mà không cần qua lăng kính ngôn ngữ hoặc biểu tượng của thế giới lý trí vọng thức. Bấy giờ, mọi dị biệt của ý niệm đều tiêu tan để nhường chỗ cho thực tại hiện tiền vô sinh bất diệt.

Mục đích phạm hạnh

64. MỤC ĐÍCH PHẠM HẠNH

Thấy tu viện của Sư tổ chức chu đáo, có người hỏi:

- Phải chăng mục đích đời sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Thầy là đào tạo Tăng tài cho Giáo Hội?

Sư nói:

- Không, bản nguyện của ta là giúp họ có khả năng “ra đời”.



Lời góp ý:

“Ra đời” ở đây không có nghĩa tầm thường như là tu sĩ hoàn tục, trở lại đời sống thế gian hay tu xuất. Cũng không phải cao siêu như là nhập thế, dẫn thân hay xuống núi cứu đời, mà chỉ giản dị là tu hành sao cho có thể có khả năng hòa nhập vào sự sống muôn đời của pháp giới tánh, hay nói cho dễ hiểu hơn là biết sống tùy thuận pháp để có thể “tùy sở trụ xứ thường an lạc”.

Đời sống tự nó không đúng, không sai, không phạm, không thánh, không nhập thế, không xuất thế,... và không là gì cả (bỏ lại vô nhất vật). Nhưng khi bản ngã khởi sinh thì mới có “tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức” đồng thời sinh khởi, với tất cả tính chất luân hồi sinh tử phiền não khổ đau của nó.

Ra khỏi thế giới duy tâm, duy thức này chính là “ra đời”. Như vậy, “ra đời” là thoát khỏi thế giới ý niệm vọng thức (pannatti) để trở về với bản lai diện mục (paramattha) hay bản thể chân như (yathàbhūta sabhāva) của pháp giới tánh (dhammatà) vậy.

Đào tạo Tăng như vậy mới đúng là **“hành Như Lai sứ, tác Như Lai sự”**.

Phân biệt minh bạch

65. PHÂN BIỆT MINH BẠCH

Sư giảng pháp nói:

- Các vị cần phải nghiêm mật thận trọng trong mỗi hành vi động tịnh của thân, khẩu, ý; phải lấy trí tuệ phân biệt minh bạch vi tế đối với thiện ác, đúng sai, chân giả, xấu tốt v.v... Nếu không, chẳng biết khi nào ra khỏi sông mê bể khổ...

Một thiền sinh đứng dậy thưa;

- Xưa nay kinh luận cũng như thiền đều nói: “*Tâm vô phân biệt*”, sao Thầy lại dạy phân biệt quá minh bạch như vậy?

Sư hỏi:

- Vậy đưa anh một chén cơm với một chén đất, anh ăn chén nào?



Lời góp ý: (*Xem Vi Tiểu 61*)

Vô phân biệt

66. VÔ PHÂN BIỆT

Thấy nhiều thiên sinh chấp lầm lý vô phân biệt, Sư lại giảng:

- Các vị chớ có lầm tâm vô phân biệt là cái tâm không biết phân biệt sự vật vật muôn sai ngàn khác. Vô phân biệt chính là thấy pháp nào đúng như chính pháp đó chứ không thấy ra thành một tướng khác của vọng tâm. Như người sợ hãi thấy sợi dây thành con rắn, người mất búa thấy đĩa bẻ hàng xóm là đĩa ăn cắp. Đó chính là tướng phân biệt chủ quan của vọng tâm, nên gọi là tâm phân biệt. Thấy sợi dây đúng là sợi dây, thấy thằng bé như nó đang là, tức vô phân biệt. Vậy tâm vô phân biệt chính là trí tuệ phân biệt rành rẽ phân minh pháp nào ra pháp đó.

Một thiên sinh véo vào lưng người bạn nói:

- Thấy chưa, may Thầy giảng chứ nếu anh không tin tôi thì đã đổi cái đồng hồ thiệt lấy đồng hồ giả rồi!



Lời góp ý: (65 và 66)

Người mê nghe nói “tâm vô phân biệt” liền kết luận rằng không phân biệt thiện ác, đúng sai, chánh tà, đen trắng gì cả. Hết thấy sự vật vật đều bình đẳng kia mà!

Đức Phật tâm vô phân biệt sao lại dạy tránh ác làm lành (Sabba pāpassa akaranam kusalassa upasampadā - Dhammapada)?

Lão Tử tâm vô phân biệt sao lại nói có Đạo thường, Đạo không thường (Đạo khả đạo phi thường đạo - Đạo Đức Kinh)?

Ngài Huệ Năng tâm vô phân biệt sao lại nêu pháp đối trong Phẩm Phú Chức (Pháp Bảo Đàn Kinh)?

Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận có đi ngược yếu chỉ Thiền Tông không khi định nghĩa trí tuệ là “Nãi chí thiện ác giai năng phân biệt”.

Pháp vốn “nhậm trí tự tánh quĩ sanh vật giải” nên “pháp trụ pháp vị” rất phân minh.

Phân biệt là tánh mẫu nhiệm của trí tuệ nên gọi là tánh giác.

Chính vô minh thiếu khả năng phân biệt nên chỉ biết phán đoán chủ quan theo lý trí vọng thức và bóp méo sự thật. Ngược lại, trí tuệ phân biệt minh bạch (Vipassanā) nên mới **“thị pháp trụ pháp vị, chư Phật thường hiện tiền”**.

Phán đoán luôn luôn đi đến kết luận, chia phân và rập khuôn công thức, quan niệm. Còn phân biệt là liễu tri (Pajānāti) bằng trí tuệ lặng lẽ chiếu soi và phản ánh trung thực vạn pháp đa thù mà vẫn an nhiên tự tại. Đó chính là **“tâm vô phân biệt”** vậy.

Tánh không

67. TÁNH KHÔNG

Sư hỏi chúng:

- Thế nào là tánh không?

Một thiền sinh đáp:

- Vì các pháp có sinh có diệt nên gọi là tánh không.

Sư nói:

- Đó là hiện tượng luận chứ không phải tánh không. Các nhà khoa học hiểu rõ tánh vô thường sinh diệt của các hiện tượng không lẽ đều đã giác ngộ tánh không? Hơn nữa, có sinh có diệt là tánh không, vậy vô sinh bất diệt là tánh gì?

Một thiền sinh khác thưa:

- Vì các pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành hiện tượng chứ bản tánh vốn không.

Sư nói:

- Đó là bản thể luận của ngoại đạo chứ không phải tánh không. Nếu bản thể của pháp là không thì ngoại đạo cũng có thể giác ngộ được. Hơn nữa chỉ có bản thể mới không, còn hiện tượng thì sao?

Một thiền sinh tỏ ra tự tin nói:

- Bậc trí tuệ rốt ráo thấy “sắc tức thị không, không tức thị sắc, sắc bất dị không, không bất dị sắc”. Đó là tánh không của pháp.

Sư hỏi:

- Anh có thể cho ví dụ không?

Thiền sinh đáp:

- Ví như cái bóng của Thầy ngồi đó, tuy có mà không, tuy không mà có.

Sư hỏi:

- Thế còn chính ta ngồi đây thì sao?

Thiền sinh lúng túng:

- Dạ, dạ...

Sư than:

- Các anh toàn là nói chuyện bên ngoài qua ý niệm. Các anh chưa thấy pháp ở đâu làm sao thấy được tánh không của pháp!



Lời góp ý: (xem trang *Vĩ Tiểu* 63)

Tánh hữu

68. TÁNH HỮU

Một thiên sinh phần khởi nói:

- Bạch Thầy, con đã thấy được chỗ hạ thủ công phu rồi. Chỉ cần thấy được tánh không của ngũ uẩn là giác ngộ giải thoát.

Sư hỏi:

- Nhưng anh đã thấy được tánh hữu của ngũ uẩn chưa?

- Dạ, bạch Thầy, xin Thầy chỉ dạy.

- Anh có khi nào yêu đơn phương một cô gái không?

- Dạ có, hồi con đi học con yêu một cô gái lớp bên cạnh. Mặc dù chưa bao giờ được làm quen với nàng, nhưng lần đầu tiên nhìn thấy nàng con đã thầm yêu trộm nhớ. Con tưởng tượng được sống bên nàng, hạnh phúc, rồi có con, rồi xây dựng một tổ ấm thật tuyệt vời,... Con nuôi mộng tưởng đó cho đến khi ra trường, con định nhờ bạn bè mai mối, nhưng con được biết nàng đã yêu một người khác và họ đã đính hôn. Con vô cùng đau khổ, thất vọng trong nhiều năm dài, cho đến khi gặp Thầy, con học đạo tu tập và đến nay hình ảnh đó hầu như đã hoàn toàn phai nhạt.

Sư nói:

- Tất cả những thứ mà anh vừa nói như yêu thương, tưởng tượng, hạnh phúc, đau khổ, hy vọng, thất vọng, v.v... chính là “tánh hữu” của vọng tâm anh, vì lúc đó chúng thật còn hơn những vật thể mà anh đã có thể sờ đụng được. Nhưng tất cả những hình ảnh của anh về người con gái đó có phải chính là người con gái đó không?

- Dạ không.

- Và tất cả hình ảnh đó thật hay giả?

- Dạ giả, vì đó là ảo ảnh, còn con người thật của nàng con gần như hoàn toàn không biết.

Sư nói:

- Vậy anh chỉ cần thấy thật tánh “giả hữu” của ngũ uẩn chứ không cần đi tìm tánh không trong ý niệm, bởi vì tánh không đó cũng chính là con đề của ngũ uẩn như chính hình ảnh người yêu trong mộng của anh mà thôi.



Lời góp ý: (67 và 68)

Tánh không có nhiều thứ nhiều nghĩa. Theo Abhidhamma, tánh không của Paramatha khác với tánh không của Attha pannatti. Tánh không của Attha pannatti khác với tánh không của Vijjamàna nàma pannatti. Tánh không của vijjamàna nàma pannatti khác với tánh không của avijja màna nàma pannatti. Tánh không của sắc pháp khác với tánh không của danh pháp, v.v...

Lại nữa theo Duy thức học, tánh không của tướng vô tánh khác với tánh không của sinh vô tánh, tánh không của sinh vô tánh khác với tánh không của thắng nghĩa vô tánh.

Như vậy “tánh không” tùy pháp, tùy nghĩa chứ không phải bất cứ cái gì cũng có thể chụp mũ “không” lên được. Nếu không thấy rõ điều đó thì khi “quán không” ta vô tình đặt ý niệm không lên thực tại, và tuy nói không mà lại có tướng của ý niệm.

Nếu quán không chỉ với mục đích dùng “tướng không” để trừ “tướng hữu” thì tạm được, nhưng thực ra tướng hữu kẹt vào dục giới, sắc giới thì tướng không kẹt vào vô sắc giới. Vô tánh (natthità) đối với hữu tánh (atthità), còn tánh không (Sunnatà) hoàn toàn không đối đãi mới là không, vô tướng, vô tác của bậc giác ngộ.

Khi tâm không thì pháp tự không, chẳng cần khởi tâm (tướng) quán pháp (tâm địa nhược không tuệ nhật tự chiếu). Vì vậy bậc thánh nhân chỉ “không” cái tâm chứ không cần loay hoay tìm không nơi pháp mà pháp vẫn tự không. Và đó cũng là lý do tại sao Đức Phật dạy Ngài Sàriputta: “Này Sàriputta, an trụ của bậc đại Nhân chính là tánh không”(Mahàpurisa viharo h’esa, Sàriputta, yadidam sunnatà - Majjhimanikàya).

Vậy nếu khởi tâm quán pháp mà thấy tính không thì tánh không đó là huyễn tướng của vô minh (nhất tướng vô minh khởi) rơi vào bịnh tướng biết bao giờ thấy pháp!

Hữu ý tìm không, không lại có

Không tâm thấy có, có hoàn không.

Lặng lẽ hồn nhiên

69. LẶNG LẼ HỒN NHIÊN

Một thiền sinh mới gia nhập thiền đường.

Sư dạy:

- Hãy nhìn vạn pháp với cái nhìn hồn nhiên lặng lẽ và trong sáng.

Từ đó, mỗi ngày anh nhìn mọi sự vật trước mắt với tâm hồn nhiên, lặng lẽ và trong sáng: mây trôi trên bầu trời, giọt sương long lanh đầu ngọn cỏ, con chim hót trên cành, đóa hoa vàng mới nở,... nhất nhất hiện ra như một thế giới tinh nguyên mà anh vừa thể nhập vào.

Rồi một buổi sáng mùa xuân, bên cửa sổ thiền đường bỗng hiện ra bóng dáng một giai nhân tuyệt sắc, nổi bật giữa muôn hoa rực rỡ trong ánh nắng bình minh. Cảnh vật như chìm đi sau hình bóng của nàng. Thế giới như thu lại chỉ còn một mình nàng là hình ảnh duy nhất đọng lại trong tâm hồn anh.

Nàng đã đi qua từ lâu mà lòng anh còn bồi hồi như mộng.

Chợt nhớ lời Thầy, anh hoảng hốt như lạc lõng giữa mây trời cây cỏ... chợt thấy rằng thế giới tinh nguyên mà anh vừa thể nhập chỉ còn là ảo ảnh. Còn ảo ảnh của nàng thì độc chiếm một cách hiện thực rõ ràng trong tâm khảm của anh.

Không giải quyết được xung đột nội tâm này anh đành tìm Sư xin lời giáo huấn.

Sư nói:

- Hãy nhìn hình ảnh bên trong với cái nhìn hồn nhiên lặng lẽ và trong sáng.



Vô ngã

70. VÔ NGÃ

Từ khi vào thiền viện, anh nhất định phải thực hiện tinh thần vô ngã mà anh đọc được trong một sổ sách thiền: thể nhập pháp giới.

Một ngày kia anh mừng rỡ trình với Sư:

- Thưa Thầy, con đang tưới hoa, bỗng thấy con với hoa là một.

Sư nói:

- Anh đã thấy anh với hoa là một thì cứ việc tưới anh là được, cần gì đi tưới hoa cho mệt!

Rồi Sư ngâm bài kệ:

*Bệnh tướng làm lừa mắt
Thấy mình, người là một
Vô ngã chẳng thấy đâu
Coi chừng ba mươi trượng!*



Lời góp ý:

Thấy mình và pháp là một hay “thể nhập pháp giới” là một ảo tưởng cực kỳ vi tế của bản ngã. Khi đã qua lăng kính của bản ngã thì thấy một thấy hai, thấy đồng thấy dị, thấy tiểu thấy đại, thấy chân thấy giả v.v... đều là ảo tưởng cả. Giống như trong kính vạn hoa, một vật biến thành vô số, hay vô số cố gắng biến thành một cũng đều là ảo tưởng.

Pháp chưa từng hai sao lại thấy nhập một? Nhập một là đứng trên ý niệm hai (ngã - pháp) mà nói, nên mới có cái này (ngã) nhập vào cái kia (pháp). Có nhập có xuất thì không phải một, mà chỉ là thỏa hiệp. Bản ngã tách ra khỏi pháp nên thấy có ngã có nhân, có năng có sở. Nay toan đem bản ngã (tiểu ngã) thỏa hiệp với pháp thì đó là mưu đồ biến pháp thành ngã (đại ngã).

Lão Tử nói: “Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thân khí bất khả vi dã, bất khả chấp dã, vi giả bại chi, chấp giả thất chi” (toan lấy pháp mà làm ngã, ta thấy không được rồi. Pháp là thân khí không thể làm, không thể nắm. Làm thì hỏng, nắm thì mất).

Thật ra, bản ngã là một tiến trình tập khởi của vọng tâm, trong đó tư tưởng đóng vai trò then chốt. Chiếu phá được cơ cấu tập khởi của tư tưởng - bằng trí tuệ Bát Nhã - là phá đổ toàn bộ cấu trúc của ngôi nhà bản ngã (ngũ uẩn giai không).

“Dục sinh ư như hữu ý

Ý do tư tưởng sanh

Không tâm các tịch tịnh

Phi sắc diệc phi hành.”

Ngã đã bị phá thì còn ai mà nhập một với pháp? Ví như sóng tách ra khỏi nước là một ảo tưởng, sóng muốn nhập một với nước cũng là một ảo tưởng khác. Phá cái ảo tưởng sóng và nước đi thì chưa từng có hai cũng chưa từng có một vậy.

Thực và mộng

71. THỰC VÀ MỘNG

Sáng nào Sư cũng thấy một thiền sinh trang nghiêm quỳ trước Phật đài, vừa lạy vừa lâm râm khẩn nguyện rất mực chí thành. Hôm đó, Sư có việc đi vào thiền đường, vô tình nghe được: “Lạy Phật, con nguyện trở thành vị Đại Bồ Tát có lòng vị tha vô lượng, con nguyện đạt được trí tuệ như hải để mau kiến tánh thành Phật, con nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ để giúp Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn tất cả chúng sanh vào miền Cực Lạc, con nguyện... con nguyện...”

Hôm sau, Sư gọi thiền sinh đó đến và kể cho nghe một câu chuyện: “Thuở xưa có một chàng thanh niên vừa đến tuổi cập kê. Cha mất sớm nên mẹ già lo chọn trước cho anh một người vợ tương lai vừa ý. Rủi ro bà đau nặng nên chưa kịp dẫn anh ra mắt đàng gái. Biết mình khó qua khỏi, bà liền kêu con tới tả hình dáng vị hôn thê cho con và dặn sau khi bà chết, anh nhớ đi tìm người con gái ngoan hiền và tuyệt đẹp đó mà cưới làm vợ. Thế rồi bà mẹ qua đời.

Nhớ lời mẹ, sẵn là một họa sĩ, anh lấy giấy bút ra vẽ một bức “chân dung” vị hôn thê theo lời mẹ tả. Thế rồi mỗi ngày, anh đi cùng làng khắp xóm lục lọi kiếm tìm. Gặp người con gái nào, anh cũng đưa bức tranh tuyệt sắc giai nhân của mình ra để so sánh, nhưng tuyệt nhiên không có người con gái nào như vậy. Cuối cùng, quá thất vọng, anh đành ôm bức tranh tương tư héo mòn mà chết.

Tiếc thay, vị hôn thê hiền thực của anh lại chính là người bạn láng giềng mà hàng ngày anh vẫn thường chuyện trò thân mật.”

Thiền sinh không hiểu ý, hỏi:

- Thưa Thầy, câu chuyện Thầy vừa kể có giúp ích gì cho con đâu?

Thiền sư Sư nói:

- Thế thì cũng tiếc thay, hàng ngày anh cứ đem bức vẽ lý tưởng của bản ngã mình ra mà cầu nguyện, còn bản lai diện mục ngày đêm diện kiến thì chẳng bao giờ anh mới thấy được!



Lời góp ý:

Một thanh niên Bà La Môn đến yết kiến Đức Phật. Phật hỏi:

- Mục đích phạm hạnh của những bà La Môn là gì?

- Dạ, để cộng trú với Phạm Thiên.

- Bản thân người có thấy Phạm Thiên không?

- Dạ không.

- Nếu vậy, những người Bà La Môn làm sao có thể cộng trú với Phạm Thiên khi không thấy, không biết Phạm Thiên ở đâu và như thế nào? Vì như một người vác thang đi ra ngã tư đường, có người hỏi:

“- Anh vác thang đi đâu và để làm gì vậy?

- Để bắc lên một tòa lâu đài tráng lệ.

- Vậy tòa lâu đài đó ở đâu, ra sao?

- Tôi không biết.”

Vậy người đó dù có vác thang đi khắp nơi cho đến chết vẫn không thể nào bắc lên được tòa lâu đài mộng tưởng.

Ngã pháp

72. NGÃ PHÁP

Nghe luận bàn về ngã và pháp đã lâu nhưng không thông được, một thiền sinh bèn hỏi Sư:

- Có phải Tiểu Thừa hết ngã chấp nhưng còn pháp chấp, Đại Thừa thì ngã pháp đều không chấp?

Sư nói:

- Mau đi rửa lỗ tai kéo năm trăm kiếp hóa thành lỗ tai lừa!

Rồi Sư ngâm bài kệ:

Không đúng không sai không đại tiểu

Chẳng hai chẳng một chẳng vui tăng

Hà miệng mắc quai đừng bép xép.

Chuyên cần giác niệm chớ lãng xăng.



Lời góp ý:

Khoảng gần 200 năm sau Đức Phật diệt độ (thế kỷ thứ tư trước Dương lịch), một số tông phái tách khỏi Phật Giáo Nguyên Thủy để thành lập những học thuyết mới, trong đó có phái Nhất Thiết Hữu Bộ (Sabbatthivàdin) chủ trương ngã không, pháp hữu. Phái Độc Tử Bộ (Vajjiputtaka), Chánh Lương Bộ (Sammitiya), v.v... lại chủ trương có một tự ngã tuyệt đối và hằng hữu và pháp cũng hữu luôn!

Mãi đến thế kỷ thứ nhất sau Dương lịch, Asvaghosha (Mã Minh) và thế kỷ thứ hai Nàgarjuna (Long Thọ) mới bắt đầu xiển dương đại Thừa. Từ đó, danh từ đại Thừa, Tiểu Thừa mới xuất hiện. Mật Tông và Tâm Luận Tông ra đời sau đó.

Đến thế kỷ thứ năm, Dương lịch, Asangha (Vô Trước) và Vasubandhu (Thế Thân) mới cho ra đời Pháp Tướng Tông cùng với Duy Thức Luận.

Đến thế kỷ thứ sáu Dương lịch, Thành Thật Luận (Satya Siddhi Sastra) của Harivarma mới ra đời với chủ trương ngã không pháp không. Thực ra, Harivarma cũng xuất thân từ các phái Tiểu Thừa.

Chính vì sự tranh biện giữa các tông phái Tiểu Thừa và Đại Thừa mà cũng vào thế kỷ thứ sáu, Thiền Tông Trung Hoa ra đời với tuyên ngôn “Bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền”.

Thực ra, trong thời nguyên thủy của Đạo Phật, Đức Phật đã từng dạy Aggi- vacchagotta: “Này Vaccha, nghĩ rằng ngã và pháp là thường, vô thường, hữu biên, vô biên, đồng nhất, dị biệt, có, không, vừa có vừa không, không có không không... đều là tà kiến... liên hệ với khổ... không hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn”.

Và trong kinh Anguttara Nikàya, Đức Phật lại dạy: “Này các tỳ kheo, có hai pháp. Thế nào là hai? Đó là nội tâm thanh tịnh (Sacitta vodàna) và không chấp thủ bất kỳ pháp nào (Sabbe dhammà nàlam abhinivesaya)”.

Sợ chúng sanh vẫn còn mắc kẹt nhị biên, Đức Phật dạy tiếp trong kinh Dhammapàda: “Kẻ nào không còn thấy có bên này bên kia hoặc cả hai, người ấy thoát khỏi khổ ưu (vitaddaram) đoạn lìa ràng buộc (visamyuttam)”.

Vậy tại sao về sau đại Thừa và Tiểu Thừa vẫn mãi mất công hàng ngàn năm tranh biện?

Ngã pháp

-ooOoo-